

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ Y TẾ

Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2013 quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

DANH MỤC KỸ THUẬT VÀ PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT TRONG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

(Ban hành kèm Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh)

(Tiếp theo Công báo số 61 + 62)

XVI. RĂNG - HÀM - MẶT

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
	A. RĂNG				
1	Phẫu thuật dịch chuyển dây thần kinh răng dưới để cấy ghép Implant	x			
2	Phẫu thuật ghép xương tự thân để cấy ghép Implant	x	x		
3	Phẫu thuật ghép xương nhân tạo để cấy ghép Implant	x	x		
4	Phẫu thuật ghép xương hỗn hợp để cấy ghép Implant	x	x		
5	Phẫu thuật đặt xương nhân tạo và màng sinh học quanh Implant	x	x		
6	Phẫu thuật cấy ghép Implant	x	x		
7	Phẫu thuật nâng sàn xoang hàm sử dụng vật liệu tự thân để cấy ghép Implant	x	x		
8	Phẫu thuật nâng sàn xoang hàm sử dụng vật liệu nhân tạo để cấy ghép Implant	x	x		
9	Phẫu thuật nâng sàn xoang hàm sử dụng vật liệu hỗn hợp để cấy ghép Implant	x	x		
10	Phẫu thuật tách xương để cấy ghép Implant	x	x		
11	Cấy ghép Implant tức thì sau nhổ răng	x	x		
12	Phẫu thuật tăng lợi sừng hóa quanh Implant	x	x		

Răng - Hàm - Mặt

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
		A	B	C	D
13	Phẫu thuật đặt lưới Titanium tái tạo xương có hướng dẫn	x	x		
14	Máng hướng dẫn phẫu thuật cấy ghép Implant	x	x		
15	Phẫu thuật tái tạo xương ổ răng bằng ghép xương tự thân lấy trong miệng	x	x		
16	Phẫu thuật tái tạo xương ổ răng bằng ghép xương tự thân lấy ngoài miệng	x	x		
17	Phẫu thuật tái tạo xương ổ răng bằng màng sinh học	x	x		
18	Phẫu thuật tái tạo xương ổ răng bằng ghép xương đông khô	x	x		
19	Phẫu thuật tái tạo xương ổ răng bằng ghép vật liệu thay thế xương	x	x		
20	Phẫu thuật tái tạo xương sống hàm bằng ghép xương tự thân lấy trong miệng	x	x		
21	Phẫu thuật tái tạo xương sống hàm bằng ghép xương tự thân lấy ngoài miệng	x	x		
22	Phẫu thuật tái tạo xương sống hàm bằng ghép xương đông khô và đặt màng sinh học	x	x		
23	Phẫu thuật tái tạo xương sống hàm bằng ghép xương nhân tạo và đặt màng sinh học	x	x		
24	Phẫu thuật điều trị khuyết hồng chỉnh chân răng bằng đặt màng sinh học	x	x		
25	Phẫu thuật điều trị khuyết hồng chỉnh chân răng bằng ghép xương nhân tạo và đặt màng sinh học	x	x		
26	Phẫu thuật che phủ chân răng bằng vật trượt đẩy sang bên có ghép niêm mạc	x	x		
27	Phẫu thuật che phủ chân răng bằng ghép vật niêm mạc toàn phần	x	x		
28	Phẫu thuật che phủ chân răng bằng ghép mô liên kết dưới biểu mô	x	x		
29	Phẫu thuật che phủ chân răng bằng vật trượt đẩy sang bên	x	x		
30	Phẫu thuật che phủ chân răng bằng đặt màng sinh học	x	x		
31	Phẫu thuật vật niêm mạc làm tăng chiều cao lợi dính	x	x		
32	Phẫu thuật ghép biểu mô và mô liên kết làm tăng chiều cao lợi dính	x	x		
33	Phẫu thuật cắt lợi điều trị túi quanh răng	x	x		
34	Phẫu thuật vật điều trị túi quanh răng	x	x		

Răng - Hàm - Mặt

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
		A	B	C	D
35	Phẫu thuật nạo túi lợi	x	x		
36	Phẫu thuật tạo hình nhú lợi	x	x		
37	Liên kết cố định răng lung lay bằng nẹp kim loại	x	x		
38	Liên kết cố định răng lung lay bằng dây cung kim loại và Composite	x	x		
39	Điều trị áp xe quanh răng cấp	x	x		
40	Điều trị áp xe quanh răng mạn	x	x		
41	Điều trị viêm quanh răng	x	x	x	
42	Chích áp xe lợi	x	x	x	x
43	Lấy cao răng	x	x	x	x
44	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	x	x		
45	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy	x	x		
46	Điều trị tủy răng có sử dụng Laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	x	x		
47	Điều trị tủy răng có sử dụng Laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy	x	x		
48	Điều trị tủy răng có sử dụng kính hiển vi và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	x			
49	Điều trị tủy răng có sử dụng kính hiển vi và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy	x			
50	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	x	x		
51	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy	x	x		
52	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trục xoay cầm tay	x	x		
53	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trục xoay cầm tay	x	x		
54	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trục xoay máy	x	x		

Răng - Hàm - Mặt

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
55	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trạm xoay máy	x	x		
56	Chụp tủy bằng MTA	x	x		
57	Chụp tủy bằng Hydroxit canxi	x	x	x	
58	Lấy tủy buồng răng vĩnh viễn	x	x		
59	Điều trị tủy răng thủng sàn bằng MTA	x	x		
60	Điều trị tủy răng ngoài miệng (răng bị bật, nhỏ)	x	x		
61	Điều trị tủy lại	x	x		
62	Phẫu thuật nội nha có cắt bỏ chân răng và một phần thân răng	x			
63	Phẫu thuật nội nha - hàn ngược ống tủy	x	x		
64	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Amalgam có sử dụng Laser	x			
65	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite có sử dụng Laser	x			
66	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC) có sử dụng Laser	x			
67	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC) kết hợp Composite	x	x		
68	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite	x	x	x	
69	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Amalgam	x	x	x	x
70	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement	x	x	x	x
71	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement	x	x	x	
72	Phục hồi cổ răng bằng Composite	x	x	x	
73	Phục hồi thân răng có sử dụng pin ngà	x	x	x	
74	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement (GIC) có sử dụng Laser	x			
75	Phục hồi cổ răng bằng Composite có sử dụng Laser	x			
76	Phục hồi thân răng bằng Inlay/Onlay	x	x		
77	Phục hồi thân răng có sử dụng chốt chân răng bằng các vật liệu khác nhau	x	x		
78	Veneer Composite trực tiếp	x	x		
79	Tẩy trắng răng tủy sống có sử dụng đèn Plasma	x	x		
80	Tẩy trắng răng tủy sống bằng Laser	x	x		

Răng - Hàm - Mặt

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
		A	B	C	D
81	Tẩy trắng răng nội tủy	x	x		
82	Tẩy trắng răng tủy sống bằng máng thuốc	x	x	x	
83	Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt	x	x	x	
84	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)	x	x	x	x
85	Chụp sứ kim loại thường gắn bằng ốc vít trên Implant	x	x		
86	Chụp sứ Titanium gắn bằng ốc vít trên Implant	x	x		
87	Chụp sứ kim loại quý gắn bằng ốc vít trên Implant	x	x		
88	Chụp sứ toàn phần gắn bằng ốc vít trên Implant	x	x		
89	Chụp sứ kim loại thường gắn bằng cement trên Implant	x	x		
90	Chụp sứ Titanium gắn bằng cement trên Implant	x	x		
91	Chụp sứ kim loại quý gắn bằng cement trên Implant	x	x		
92	Chụp sứ toàn phần gắn bằng cement trên Implant	x	x		
93	Cầu sứ kim loại thường gắn bằng ốc vít trên Implant	x	x		
94	Cầu sứ Titanium gắn bằng ốc vít trên Implant	x	x		
95	Cầu sứ kim loại quý gắn bằng ốc vít trên Implant	x	x		
96	Cầu sứ Cercon gắn bằng ốc vít trên Implant	x	x		
97	Cầu sứ toàn phần gắn bằng ốc vít trên Implant	x	x		
98	Cầu sứ kim loại thường gắn bằng cement trên Implant	x	x		
99	Cầu sứ Titanium gắn bằng cement trên Implant	x	x		
100	Cầu sứ kim loại quý gắn bằng cement trên Implant	x	x		
101	Cầu sứ toàn phần gắn bằng cement trên Implant	x	x		
102	Hàm giả toàn phần dạng cúc bấm tựa trên Implant	x	x		
103	Hàm giả toàn phần dạng thanh ngang tựa trên Implant	x	x		
104	Chụp nhựa	x	x	x	
105	Chụp kim loại	x	x	x	
106	Chụp hợp kim thường cần nhựa	x	x	x	
107	Chụp hợp kim thường cần sứ	x	x	x	
108	Chụp hợp kim Titanium cần sứ	x	x	x	
109	Chụp sứ toàn phần	x	x	x	
110	Chụp kim loại quý cần sứ	x	x	x	

Răng - Hàm - Mặt

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
111	Chụp sứ Cercon	x	x		
112	Cầu nhựa	x	x	x	
113	Cầu hợp kim thường	x	x	x	
114	Cầu kim loại cấy nhựa	x	x	x	
115	Cầu kim loại cấy sứ	x	x	x	
116	Cầu hợp kim Titanium cấy sứ	x	x	x	
117	Cầu kim loại quý cấy sứ	x	x	x	
118	Cầu sứ toàn phần	x	x	x	
119	Cầu sứ Cercon	x	x		
120	Chốt cùi đúc kim loại	x	x		
121	Cùi đúc Titanium	x	x		
122	Cùi đúc kim loại quý	x	x		
123	Inlay/Onlay kim loại	x	x		
124	Inlay/Onlay hợp kim Titanium	x	x		
125	Inlay/Onlay kim loại quý	x	x		
126	Inlay/Onlay sứ toàn phần	x	x		
127	Veneer Composite gián tiếp	x	x	x	
128	Veneer sứ toàn phần	x	x	x	
129	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa thường	x	x	x	x
130	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa thường	x	x	x	x
131	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa dẻo	x	x	x	
132	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa dẻo	x	x	x	
133	Hàm khung kim loại	x	x	x	
134	Hàm khung Titanium	x	x		
135	Máng hở mặt nhai	x	x		
136	Điều trị thói quen nghiến răng bằng máng	x	x	x	x
137	Tháo cầu răng giả	x	x	x	
138	Tháo chụp răng giả	x	x	x	
139	Sửa hàm giả gãy	x	x	x	x
140	Thêm răng cho hàm giả tháo lắp	x	x	x	x

Răng - Hàm - Mặt

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
		A	B	C	D
141	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp	x	x	x	x
142	Đệm hàm nhựa thường	x	x	x	x
143	Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu mút môi	x	x		
144	Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu đẩy lưỡi	x	x		
145	Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu mút ngón tay	x	x		
146	Lấy lại khoảng bằng khí cụ cố định	x	x		
147	Nong rộng hàm bằng khí cụ cố định nong nhanh	x	x		
148	Nong rộng hàm bằng khí cụ cố định Quad-Helix	x	x		
149	Nắn chỉnh mất cân xứng hàm chiều trước sau bằng khí cụ chức năng cố định Forsus	x	x		
150	Nắn chỉnh mất cân xứng hàm chiều trước sau bằng khí cụ chức năng cố định MARA	x			
151	Nắn chỉnh răng/hàm dùng lực ngoài miệng sử dụng Headgear	x			
152	Điều trị chỉnh hình răng mặt sử dụng khí cụ Facemask và ốc nong nhanh	x			
153	Nắn chỉnh răng/hàm dùng lực ngoài miệng sử dụng Chincup	x			
154	Duy trì kết quả điều trị nắn chỉnh răng bằng khí cụ cố định	x			
155	Sử dụng khí cụ cố định Nance làm neo chặn trong điều trị nắn chỉnh răng	x			
156	Sử dụng cung ngang khẩu cái (TPA) làm neo chặn trong điều trị nắn chỉnh răng	x			
157	Nắn chỉnh răng có sử dụng neo chặn bằng khí cụ cố định cung lưỡi (LA)	x			
158	Nắn chỉnh răng sử dụng neo chặn bằng Microimplant	x	x		
159	Nắn chỉnh răng xoay sử dụng khí cụ cố định	x	x		
160	Nắn chỉnh răng ngầm	x	x		
161	Nắn chỉnh răng lạc chỗ sử dụng khí cụ cố định	x	x		
162	Giữ khoảng răng bằng khí cụ cố định cung ngang vòm khẩu cái (TPA)	x	x		
163	Giữ khoảng bằng khí cụ cố định Nance	x	x		
164	Giữ khoảng bằng khí cụ cố định cung lưỡi (LA)	x	x		

Răng - Hàm - Mặt

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
165	Nắn chỉnh mũi - cung hàm trước phẫu thuật điều trị khe hở môi - vòm miệng giai đoạn sớm	x			
166	Nắn chỉnh cung hàm trước phẫu thuật điều trị khe hở môi - vòm miệng giai đoạn sớm	x			
167	Nắn chỉnh mũi trước phẫu thuật điều trị khe hở môi - vòm miệng giai đoạn sớm	x			
168	Làm dài thân răng lâm sàng sử dụng khí cụ cố định	x	x		
169	Dán mắc cài trực tiếp sử dụng chất gắn hóa trùng hợp	x	x		
170	Dán mắc cài trực tiếp sử dụng chất gắn quang trùng hợp	x	x		
171	Gắn mắc cài mặt lưỡi bằng kỹ thuật gián tiếp	x	x		
172	Gắn mắc cài mặt ngoài bằng kỹ thuật gián tiếp	x	x		
173	Sử dụng mắc cài tự buộc trong nắn chỉnh răng	x	x		
174	Làm lún các răng cửa hàm dưới sử dụng dây cung bẻ Loop L hoặc dây cung đảo ngược	x	x		
175	Làm lún các răng cửa hàm dưới sử dụng dây cung tiện ích (Utility Archwire) và cung phụ làm lún răng cửa	x	x		
176	Làm trôi các răng hàm nhỏ hàm dưới sử dụng khí cụ gắn chặt	x	x		
177	Đóng khoảng răng sử dụng khí cụ cố định	x	x		
178	Điều chỉnh độ nghiêng răng bằng khí cụ cố định	x	x		
179	Nắn chỉnh khối tiền hàm trước phẫu thuật cho trẻ khe hở môi-vòm việng	x			
180	Đóng khoảng bằng khí cụ tháo lắp	x	x		
181	Nong rộng hàm bằng khí cụ tháo lắp	x	x		
182	Nắn chỉnh mất cân xứng hàm chiều trước sau bằng khí cụ tháo lắp	x	x		
183	Duy trì kết quả điều trị nắn chỉnh răng bằng khí cụ tháo lắp	x	x		
184	Nắn chỉnh răng xoay sử dụng khí cụ tháo lắp	x	x		
185	Giữ khoảng răng bằng khí cụ tháo lắp	x	x		
186	Nắn chỉnh răng bằng hàm tháo lắp	x	x		
187	Làm lún các răng cửa hàm dưới sử dụng khí cụ tháo lắp tấm cắn (Bite plate) hoặc mặt phẳng cắn phía trước (Anterior plane)	x	x		
188	Đóng khoảng răng bằng khí cụ tháo lắp	x	x		

Răng - Hàm - Mặt

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
		A	B	C	D
189	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu mút môi	x	x		
190	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu đẩy lưỡi	x	x		
191	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu mút ngón tay	x	x		
192	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu thở đường miệng	x	x		
193	Gắn band	x	x		
194	Máng điều trị đau khớp thái dương hàm	x	x		
195	Máng nâng khớp cắn	x	x		
196	Mài chỉnh khớp cắn	x			
197	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ	x	x		
198	Phẫu thuật nhổ răng ngầm	x	x		
199	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm trên	x	x		
200	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm dưới	x	x		
201	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân	x	x		
202	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân chia chân răng	x	x		
203	Nhổ răng vĩnh viễn	x	x	x	
204	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay	x	x	x	
205	Nhổ chân răng vĩnh viễn	x	x	x	
206	Nhổ răng thừa	x	x	x	
207	Phẫu thuật nhổ răng có tạo hình xương ổ răng	x	x		
208	Phẫu thuật tạo hình xương ổ răng	x	x		
209	Phẫu thuật mở xương cho răng mọc	x	x		
210	Phẫu thuật nạo quanh cuống răng	x	x		
211	Phẫu thuật cắt cuống răng	x	x		
212	Phẫu thuật cắt, nạo xương ổ răng	x	x		
213	Cắt lợi xơ cho răng mọc	x	x	x	
214	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới	x	x	x	
215	Cắt lợi di động để làm hàm giả	x	x		
216	Phẫu thuật cắt phanh lưỡi	x	x		
217	Phẫu thuật cắt phanh môi	x	x		
218	Phẫu thuật cắt phanh má	x	x		

Răng - Hàm - Mặt

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
		A	B	C	D
219	Cấy chuyển răng	x	x		
220	Cấy lại răng bị bật khỏi ổ răng	x	x		
221	Điều trị viêm quanh thân răng cấp	x	x	x	
222	Trám bít hố rãnh với GlassIonomer Cement quang trùng hợp	x	x	x	
223	Trám bít hố rãnh với Composite hóa trùng hợp	x	x	x	
224	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp	x	x	x	
225	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant	x	x	x	
226	Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement	x	x	x	x
227	Hàn răng không sang chấn với GlassIonomer Cement	x	x	x	x
228	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt	x	x	x	
229	Dự phòng sâu răng bằng máng có Gel Fluor	x	x	x	
230	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục	x	x	x	
231	Lấy tủy buồng răng sữa	x	x	x	
232	Điều trị tủy răng sữa	x	x	x	
233	Điều trị đóng cuống răng bằng Canxi Hydroxit	x	x	x	
234	Điều trị đóng cuống răng bằng MTA	x	x	x	
235	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Amalgam	x	x	x	x
236	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng GlassIonomer Cement	x	x	x	x
237	Phục hồi thân răng sữa bằng chụp thép làm sẵn	x	x	x	
238	Nhổ răng sữa	x	x	x	x
239	Nhổ chân răng sữa	x	x	x	x
240	Chích Apxe lợi trẻ em	x	x	x	x
241	Điều trị viêm lợi trẻ em (do mảng bám)	x	x	x	x
	B. HÀM MẶT				
242	Phẫu thuật điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng chỉ thép	x	x		
243	Phẫu thuật điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim	x	x		
244	Phẫu thuật điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng nẹp vít tự tiêu	x	x		
245	Phẫu thuật điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng vật liệu thay thế	x	x		

Răng - Hàm - Mặt

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
246	Phẫu thuật điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng ghép xương, sụn tự thân	x			
247	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort I bằng chỉ thép	x	x		
248	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort I bằng nẹp vít hợp kim	x	x		
249	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort I bằng nẹp vít tự tiêu	x	x		
250	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort II bằng chỉ thép	x	x		
251	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort II bằng nẹp vít hợp kim	x	x		
252	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort II bằng nẹp vít tự tiêu	x	x		
253	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort III bằng chỉ thép	x	x		
254	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort III bằng nẹp vít hợp kim	x	x		
255	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort III bằng nẹp vít tự tiêu	x	x		
256	Phẫu thuật điều trị can sai xương hàm trên	x			
257	Phẫu thuật điều trị can sai xương hàm dưới	x			
258	Phẫu thuật điều trị can sai xương gò má	x			
259	Phẫu thuật chỉnh hình xương hàm trên một bên	x			
260	Phẫu thuật chỉnh hình xương hàm trên hai bên	x			
261	Phẫu thuật chỉnh hình xương hàm dưới một bên	x			
262	Phẫu thuật chỉnh hình xương hàm dưới hai bên	x			
263	Phẫu thuật chỉnh hình xương 2 hàm	x			
264	Phẫu thuật điều trị dính khớp thái dương hàm 1 bên bằng ghép xương - sụn tự thân	x			
265	Phẫu thuật điều trị dính khớp thái dương hàm 1 bên bằng ghép vật liệu thay thế	x			
266	Phẫu thuật điều trị dính khớp thái dương hàm 2 bên bằng ghép xương - sụn tự thân	x			
267	Phẫu thuật điều trị dính khớp thái dương hàm 2 bên bằng vật liệu thay thế	x			
268	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới bằng chỉ thép	x	x		
269	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim	x	x		
270	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít tự tiêu	x	x		
271	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má bằng chỉ thép	x	x		

Răng - Hàm - Mặt

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
		A	B	C	D
272	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít hợp kim	x	x		
273	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít tự tiêu	x	x		
274	Phẫu thuật điều trị gãy cung tiếp bằng chỉ thép	x	x		
275	Phẫu thuật điều trị gãy cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim	x	x		
276	Phẫu thuật điều trị gãy cung tiếp bằng nẹp vít tự tiêu	x	x		
277	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng chỉ thép	x	x		
278	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim	x	x		
279	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít tự tiêu	x	x		
280	Điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nắn chỉnh (có gây tê hoặc gây tê)	x	x		
281	Phẫu thuật điều trị gãy xương chính mũi bằng chỉ thép	x	x		
282	Phẫu thuật điều trị gãy xương chính mũi bằng nẹp vít hợp kim	x	x		
283	Phẫu thuật điều trị gãy xương chính mũi bằng nẹp vít tự tiêu	x	x		
284	Phẫu thuật điều trị gãy xương chính mũi bằng các vật liệu thay thế	x			
285	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng máng phẫu thuật	x	x		
286	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng cung cố định 2 hàm	x	x		
287	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng buộc nút Ivy cố định 2 hàm	x	x		
288	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng vít neo chặn cố định 2 hàm	x	x		
289	Phẫu thuật điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng lấy bỏ lồi cầu	x	x		
290	Điều trị bảo tồn gãy lồi cầu xương hàm dưới	x	x		
291	Phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt	x	x		
292	Phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt có ghép sụn xương tự thân	x			
293	Phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt có ghép vật liệu thay thế	x			
294	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt	x	x		
295	Phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt có thiếu hồng tổ chức	x	x		

Răng - Hàm - Mặt

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
		A	B	C	D
1	2				
296	Phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hồng tổ chức	x	x	x	
297	Phẫu thuật điều trị vết thương vùng hàm mặt do hỏa khí	x	x		
298	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	x	x	x	
299	Dẫn lưu máu tụ vùng miệng - hàm mặt	x	x	x	
300	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt	x	x	x	
301	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt	x	x	x	x
302	Phẫu thuật tái tạo xương hàm dưới ghép xương bằng kỹ thuật vi phẫu	x			
303	Phẫu thuật điều trị khuyết hồng phần mềm vùng hàm mặt bằng vi phẫu thuật	x			
304	Phẫu thuật cắt đường rò luân nhĩ	x	x		
305	Phẫu thuật cắt đường rò môi dưới	x	x		
306	Phẫu thuật lấy sỏi ống Wharton tuyến dưới hàm	x	x		
307	Phẫu thuật nối ống tuyến điều trị rò tuyến nước bọt mang tai	x			
308	Phẫu thuật tạo đường dẫn trong miệng điều trị rò tuyến nước bọt mang tai	x	x		
309	Điều trị viêm tuyến mang tai bằng bơm rửa thuốc qua lỗ ống tuyến	x	x		
310	Phẫu thuật ghép xương tự thân tức thì sau cắt đoạn xương hàm trên	x			
311	Phẫu thuật ghép xương bằng vật liệu thay thế tức thì sau cắt đoạn xương hàm trên	x			
312	Phẫu thuật ghép xương tự thân tự do tức thì sau cắt đoạn xương hàm dưới	x			
313	Phẫu thuật cắt đoạn xương hàm dưới không đặt nẹp giữ chỗ	x	x		
314	Phẫu thuật ghép xương với khung nẹp hợp kim tức thì sau cắt đoạn xương hàm dưới	x	x		
315	Gây tê vùng điều trị cơn đau thần kinh V ngoại biên	x	x	x	
316	Phẫu thuật cắt nhánh ổ mắt của dây thần kinh V	x	x		
317	Phẫu thuật cắt nhánh dưới hàm của dây thần kinh V	x	x		
318	Phẫu thuật tạo hình các khuyết hồng lớn vùng hàm mặt bằng vật da cơ	x			

Răng - Hàm - Mặt

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
		A	B	C	D
319	Phẫu thuật cắt bỏ tuyến nước bọt mang tai bảo tồn thần kinh VII	x			
320	Phẫu thuật cắt u men xương hàm dưới giữ lại bờ nền	x	x		
321	Phẫu thuật cắt lõi xương	x	x		
322	Phẫu thuật làm sâu ngách tiền đình	x	x		
323	Phẫu thuật mở xoang hàm để lấy chóp răng hoặc răng ngầm	x	x		
324	Phẫu thuật điều trị viêm xoang hàm do răng	x	x		
325	Phẫu thuật lấy xương chết, nạo rò điều trị viêm xương hàm	x	x		
326	Phẫu thuật điều trị hoại tử xương hàm do tia xạ	x	x		
327	Phẫu thuật điều trị hoại tử xương và phần mềm vùng hàm mặt do tia xạ	x	x		
328	Phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm trên	x	x		
329	Phẫu thuật cắt nang không do răng xương hàm trên	x	x		
330	Phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm trên có can thiệp xoang	x	x		
331	Phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm dưới	x	x		
332	Phẫu thuật cắt nang không do răng xương hàm dưới	x	x		
333	Phẫu thuật rạch dẫn lưu viêm tấy lan tỏa vùng hàm mặt	x	x		
334	Phẫu thuật rạch dẫn lưu áp xe nông vùng hàm mặt	x	x	x	
335	Nắn sai khớp thái dương hàm	x	x	x	
336	Nắn sai khớp thái dương hàm dưới gây mê	x	x		
337	Nắn sai khớp thái dương hàm đến muôn có gây tê	x	x	x	
338	Chọc thăm dò u, nang vùng hàm mặt	x	x	x	
339	Điều trị u lợi bằng Laser	x	x		
340	Điều trị viêm lợi miệng loét hoại tử cấp	x	x	x	
341	Phẫu thuật điều trị khe hở môi một bên	x	x		
342	Phẫu thuật điều trị khe hở môi hai bên	x	x		
343	Phẫu thuật điều trị khe hở chéو mặt một bên	x	x		
344	Phẫu thuật điều trị khe hở chéو mặt hai bên	x	x		
345	Phẫu thuật điều trị khe hở vòm miệng không toàn bộ	x	x		
346	Phẫu thuật điều trị khe hở vòm miệng toàn bộ	x	x		
347	Phẫu thuật điều trị khe hở ngang mặt	x	x		

Răng - Hàm - Mặt

XVII. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
	A. VẬT LÝ TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp điều trị cho người bệnh)				
1	Điều trị bằng sóng ngắn	x	x	x	
2	Điều trị bằng sóng cực ngắn	x	x		
3	Điều trị bằng vi sóng	x	x		
4	Điều trị bằng từ trường	x	x		
5	Điều trị bằng dòng điện một chiều đều	x	x	x	
6	Điều trị bằng điện phân dẫn thuốc	x	x	x	
7	Điều trị bằng các dòng điện xung	x	x	x	
8	Điều trị bằng siêu âm	x	x	x	
9	Điều trị bằng sóng xung kích	x	x	x	
10	Điều trị bằng dòng giao thoa	x	x	x	
11	Điều trị bằng tia hồng ngoại	x	x	x	x
12	Điều trị bằng Laser công suất thấp	x	x		
13	Đo liều sinh học trong điều trị tia tử ngoại	x	x	x	x
14	Điều trị bằng tia tử ngoại tại chỗ	x	x	x	x
15	Điều trị bằng tia tử ngoại toàn thân	x	x	x	x
16	Điều trị bằng nhiệt nóng (chườm nóng)	x	x	x	x
17	Điều trị bằng nhiệt lạnh (chườm lạnh)	x	x	x	x
18	Điều trị bằng Parafin	x	x	x	x
19	Điều trị bằng bồn xoáy hoặc bể sục	x	x		
20	Điều trị bằng xông hơi (tắm hơi)	x	x	x	
21	Điều trị bằng tia nước áp lực cao	x	x		
22	Thủy trị liệu toàn thân (bể bơi, bồn ngâm)	x	x	x	
23	Điều trị bằng bùn	x	x	x	
24	Điều trị bằng nước khoáng	x	x	x	
25	Điều trị bằng oxy cao áp	x	x		
26	Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống	x	x	x	

Phục hồi chức năng

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
27	Điều trị bằng điện trường cao áp	x	x		
28	Điều trị bằng ion tĩnh điện	x	x		
29	Điều trị bằng ion khí	x	x		
30	Điều trị bằng tĩnh điện trường	x	x		
	B. VẬN ĐỘNG TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh)				
31	Tập nằm đứng tư thế cho người bệnh liệt nửa người	x	x	x	x
32	Kỹ thuật đặt tư thế đứng cho người bệnh liệt tủy	x	x	x	x
33	Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người	x	x	x	x
34	Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người	x	x	x	x
35	Tập lăn trở khi nằm	x	x	x	x
36	Tập thay đổi tư thế từ nằm sang ngồi	x	x	x	x
37	Tập ngồi thẳng bằng tĩnh và động	x	x	x	x
38	Tập thay đổi tư thế từ ngồi sang đứng	x	x	x	x
39	Tập đứng thẳng bằng tĩnh và động	x	x	x	x
40	Tập dáng đi	x	x	x	x
41	Tập đi với thanh song song	x	x	x	x
42	Tập đi với khung tập đi	x	x	x	x
43	Tập đi với nạng (nạng nách, nạng khuỷu)	x	x	x	x
44	Tập đi với gậy	x	x	x	x
45	Tập đi với bàn xương cá	x	x	x	x
46	Tập đi trên máy thảm lăn (Treadmill)	x	x	x	x
47	Tập lên, xuống cầu thang	x	x	x	x
48	Tập đi trên các địa hình khác nhau (đốc, sỏi, gồ ghề...)	x	x	x	x
49	Tập đi với chân giả trên gối	x	x	x	x
50	Tập đi với chân giả dưới gối	x	x	x	x
51	Tập đi với khung treo	x	x	x	x
52	Tập vận động thụ động	x	x	x	x
53	Tập vận động có trợ giúp	x	x	x	x
54	Tập vận động chủ động	x	x	x	x

Phục hồi chức năng

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
55	Tập vận động tự do tứ chi	x	x	x	x
56	Tập vận động có kháng trở	x	x	x	x
57	Tập kéo dẫn	x	x	x	x
58	Tập vận động trên bóng	x	x	x	
59	Tập trong bồn bóng nhỏ	x	x	x	
60	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể (PNF) chi trên	x	x	x	
61	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể (PNF) chi dưới	x	x	x	
62	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể chức năng	x	x	x	
63	Tập với thang tường	x	x	x	x
64	Tập với giàn treo các chi	x	x	x	
65	Tập với ròng rọc	x	x	x	x
66	Tập với dụng cụ quay khớp vai	x	x	x	x
67	Tập với dụng cụ chèo thuyền	x	x	x	x
68	Tập thẳng bằng với bàn bập bênh	x	x	x	x
69	Tập với máy tập thẳng bằng	x	x	x	x
70	Tập với ghế tập mạnh cơ Tứ đầu đùi	x	x	x	x
71	Tập với xe đạp tập	x	x	x	x
72	Tập với bàn nghiêng	x	x	x	x
73	Tập các kiểu thở	x	x	x	x
74	Tập thở bằng dụng cụ (bóng, spirometer...)	x	x	x	x
75	Tập ho có trợ giúp	x	x	x	x
76	Kỹ thuật vỗ rung lồng ngực	x	x	x	x
77	Kỹ thuật dẫn lưu tư thế	x	x	x	x
78	Kỹ thuật kéo nắn trị liệu	x	x		
79	Kỹ thuật di động khớp	x	x		
80	Kỹ thuật di động mô mềm	x	x		
81	Kỹ thuật tập chuỗi đóng và chuỗi mở	x	x		
82	Kỹ thuật ức chế co cứng tay	x	x	x	x
83	Kỹ thuật ức chế co cứng chân	x	x	x	x
84	Kỹ thuật ức chế co cứng thân mình	x	x	x	x

Phục hồi chức năng

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
85	Kỹ thuật xoa bóp vùng	x	x	x	x
86	Kỹ thuật xoa bóp toàn thân	x	x	x	
87	Kỹ thuật Frenkel	x	x	x	x
88	Kỹ thuật ức chế và phá vỡ các phản xạ bệnh lý	x	x	x	x
89	Kỹ thuật kiểm soát đầu, cổ và thân mình	x	x	x	x
90	Tập điều hợp vận động	x	x	x	x
91	Tập mạnh cơ đáy chậu (cơ sàn chậu, Pelvis floor)	x	x	x	x
	C. HOẠT ĐỘNG TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh)				
92	Kỹ thuật tập sử dụng và điều khiển xe lăn	x	x	x	x
93	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt hai chân ra vào xe lăn	x	x	x	x
94	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt nửa người ra vào xe lăn	x	x	x	x
95	Tập các vận động thô của bàn tay	x	x	x	x
96	Tập các vận động khéo léo của bàn tay	x	x	x	x
97	Tập phối hợp hai tay	x	x	x	x
98	Tập phối hợp tay mắt	x	x	x	x
99	Tập phối hợp tay miệng	x	x	x	x
100	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày (ADL) (ăn uống, tắm rửa, vệ sinh, vui chơi giải trí...)	x	x	x	x
101	Tập điều hòa cảm giác	x	x	x	x
102	Tập tri giác và nhận thức	x	x	x	x
103	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày ADL với các dụng cụ trợ giúp thích nghi	x	x	x	x
	D. NGÔN NGỮ TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp hướng dẫn người bệnh tập)				
104	Tập nuốt	x	x	x	x
105	Tập nói	x	x	x	x
106	Tập nhai	x	x	x	x
107	Tập phát âm	x	x	x	x

Phục hồi chức năng

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
108	Tập giao tiếp (ngôn ngữ ký hiệu, hình ảnh...)	x	x	x	x
109	Tập cho người thất ngôn	x	x	x	x
110	Tập luyện giọng	x	x	x	x
111	Tập sửa lỗi phát âm	x	x	x	x
	Đ. KỸ THUẬT THĂM DÒ, LƯỢNG GIÁ, CHẨN ĐOÁN VÀ ĐIỀU TRỊ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG (nhân viên y tế trực tiếp thực hiện)				
112	Lượng giá chức năng người khuyết tật	x	x	x	x
113	Lượng giá chức năng tim mạch	x	x	x	x
114	Lượng giá chức năng hô hấp	x	x	x	x
115	Lượng giá chức năng tâm lý	x	x	x	x
116	Lượng giá chức năng tri giác và nhận thức	x	x	x	x
117	Lượng giá chức năng ngôn ngữ	x	x	x	x
118	Lượng giá chức năng dáng đi	x	x	x	x
119	Lượng giá chức năng thăng bằng	x	x	x	x
120	Lượng giá chức năng sinh hoạt hàng ngày	x	x	x	x
121	Lượng giá lao động hướng nghiệp	x	x	x	
122	Thử cơ bằng tay	x	x	x	
123	Đo tầm vận động khớp	x	x	x	x
124	Đo áp lực bàng quang bằng máy niệu động học	x	x		
125	Đo áp lực bàng quang bằng cột thước nước	x	x		
126	Đo áp lực hậu môn trực tràng	x	x		
127	Lượng giá sự phát triển của trẻ theo nhóm tuổi	x	x	x	x
128	Lượng giá sự phát triển của trẻ bằng Test Denver	x	x		
129	Đo áp lực bàng quang ở người bệnh nhi	x	x		
130	Phong bế thần kinh bằng Phenol để điều trị co cứng cơ	x	x		
131	Tiêm Botulinum toxine vào điểm vận động để điều trị co cứng cơ	x	x		
132	Tiêm Botulinum toxine vào cơ thành bàng quang để điều trị bàng quang tăng hoạt động	x	x		

Phục hồi chức năng

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
133	Kỹ thuật thông tiểu ngắt quãng trong phục hồi chức năng tùy sống	x	x	x	x
134	Kỹ thuật tập đường ruột cho người bệnh tổn thương tùy sống	x	x	x	x
135	Kỹ thuật can thiệp rối loạn đại tiện bằng phản hồi sinh học (Biofeedback)	x	x		
136	Kỹ thuật điều trị bàn chân khoèo bẩm sinh theo phương pháp Ponsetti	x	x	x	
137	Kỹ thuật băng nẹp bảo vệ bàn tay chức năng (<i>trong liệt tứ chi</i>)	x	x	x	x
138	Kỹ thuật bó bột Hip Spica Cast điều trị trật khớp háng bẩm sinh	x	x		
139	Kỹ thuật băng chun mồm cắt chi trên	x	x	x	x
140	Kỹ thuật băng chun mồm cắt chi dưới	x	x	x	x
	E. DỤNG CỤ CHỈNH HÌNH VÀ TRỢ GIÚP (Nhân viên y tế trực tiếp hướng dẫn người bệnh sử dụng và bảo quản)				
141	Kỹ thuật sử dụng tay giả trên khuỷu	x	x	x	x
142	Kỹ thuật sử dụng tay giả dưới khuỷu	x	x	x	x
143	Kỹ thuật sử dụng nẹp dạng khớp háng (SWASH)	x	x	x	x
144	Kỹ thuật sử dụng chân giả tháo khớp háng	x	x	x	x
145	Kỹ thuật sử dụng chân giả trên gối	x	x	x	x
146	Kỹ thuật sử dụng chân giả dưới gối	x	x	x	x
147	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống ngực - thắt lưng TLSO (<i>điều trị cong vẹo cột sống</i>)	x	x	x	x
148	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống thắt lưng LSO (<i>điều trị cong vẹo cột sống</i>)	x	x	x	x
149	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn tay WHO	x	x	x	x
150	Kỹ thuật sử dụng nẹp trên gối có khớp háng HKAFO	x	x	x	x
151	Kỹ thuật sử dụng nẹp gối cổ bàn chân KAFO	x	x	x	x
152	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn chân AFO	x	x	x	x
153	Kỹ thuật sử dụng nẹp bàn chân FO	x	x	x	x
154	Kỹ thuật sử dụng giày dép cho người bệnh phong	x	x	x	x
155	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp cột sống thắt lưng cứng	x	x	x	x
156	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp cột sống thắt lưng mềm	x	x	x	x

Phục hồi chức năng

XVIII. ĐIỆN QUANG

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
	A. SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN				
	1. Siêu âm đầu, cổ				
1	Siêu âm tuyến giáp	X	X	X	
2	Siêu âm các tuyến nước bọt	X	X	X	
3	Siêu âm cơ phần mềm vùng cổ mặt	X	X		
4	Siêu âm hạch vùng cổ	X	X		
5	Siêu âm đàn hồi nhu mô tuyến giáp	X			
6	Siêu âm hốc mắt	X	X		
7	Siêu âm qua thóp	X	X		
8	Siêu âm nhãn cầu	X	X		
9	Siêu âm Doppler hốc mắt	X	X		
10	Siêu âm Doppler u tuyến, hạch vùng cổ	X	X		
	2. Siêu âm vùng ngực				
11	Siêu âm màng phổi	X	X		
12	Siêu âm thành ngực (cơ, phần mềm thành ngực)	X	X		
13	Siêu âm các khối u phổi ngoại vi	X	X		
14	Siêu âm qua thực quản	X			
	3. Siêu âm ổ bụng				
15	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)	X	X	X	
16	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)	X	X	X	
17	Siêu âm tiền liệt tuyến qua trực tràng	X	X		
18	Siêu âm tử cung phần phụ	X	X	X	
19	Siêu âm ống tiêu hóa (dạ dày, ruột non, đại tràng)	X	X		
20	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)	X	X	X	
21	Siêu âm Doppler các khối u trong ổ bụng	X	X		
22	Siêu âm Doppler gan lách	X	X		
23	Siêu âm Doppler mạch máu ổ bụng (động mạch chủ, mạc treo tràng trên, thân tạng...)	X	X		
24	Siêu âm Doppler động mạch thận	X	X		

Điện quang

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
25	Siêu âm Doppler tử cung phần phụ	x	x		
26	Siêu âm Doppler thai nhi (thai, nhau thai, dây rốn, động mạch tử cung)	x	x		
27	Siêu âm 3D/4D khối u	x	x		
28	Siêu âm 3D/4D thai nhi	x	x		
29	Siêu âm Doppler tĩnh mạch chậu, chủ dưới	x	x		
	4. Siêu âm sản phụ khoa				
30	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng	x	x	x	
31	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường âm đạo	x	x	x	
32	Siêu âm Doppler tử cung, buồng trứng qua đường bụng	x	x		
33	Siêu âm Doppler tử cung, buồng trứng qua đường âm đạo	x	x		
34	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu	x	x	x	
35	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa	x	x	x	
36	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối	x	x	x	
37	Siêu âm Doppler động mạch tử cung	x	x		
38	Siêu âm Doppler thai nhi 3 tháng đầu	x	x		
39	Siêu âm Doppler thai nhi 3 tháng giữa	x	x		
40	Siêu âm Doppler thai nhi 3 tháng cuối	x	x		
41	Siêu âm 3D/4D thai nhi	x	x		
42	Siêu âm tầm soát dị tật thai nhi	x	x		
	5. Siêu âm cơ xương khớp				
43	Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay....)	x	x		
44	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ....)	x	x		
	6. Siêu âm tim, mạch máu				
45	Siêu âm Doppler động mạch, tĩnh mạch chi dưới	x	x		
46	Siêu âm cầu nối động mạch tĩnh mạch	x			
47	Siêu âm nội mạch	x			
48	Doppler động mạch cảnh, Doppler xuyên sọ	x	x		
49	Siêu âm tim, màng tim qua thành ngực	x	x		
50	Siêu âm tim, màng tim qua thực quản	x			
51	Siêu âm tim, mạch máu có cản âm	x			

Điện quang

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
52	Siêu âm Doppler tim, van tim	x	x		
53	Siêu âm 3D/4D tim	x	x		
	7. Siêu âm vú				
54	Siêu âm tuyến vú hai bên	x	x		
55	Siêu âm Doppler tuyến vú	x	x		
56	Siêu âm đàn hồi mô vú	x			
	8. Siêu âm bộ phận sinh dục nam				
57	Siêu âm tinh hoàn hai bên	x	x		
58	Siêu âm Doppler tinh hoàn, mào tinh hoàn hai bên	x	x		
59	Siêu âm dương vật	x	x		
60	Siêu âm Doppler dương vật	x			
	9. Siêu âm với kỹ thuật đặc biệt				
61	Siêu âm trong mổ	x	x		
62	Siêu âm nội soi	x			
63	Siêu âm có chất tương phản	x			
64	Sinh thiết tiền liệt tuyến qua siêu âm nội soi đường trực tràng	x			
65	Siêu âm đàn hồi mô (gan, tuyến vú...)	x			
66	Siêu âm 3D/4D trực tràng	x			
	B. CHỤP XQUANG CHẨN ĐOÁN THƯỜNG QUY HOẶC KỸ THUẬT SỐ (CR hoặc DR)				
	1. Chụp Xquang chẩn đoán thường quy				
67	Chụp Xquang sọ thẳng nghiêng	x	x	x	x
68	Chụp Xquang mặt thẳng nghiêng	x	x	x	x
69	Chụp Xquang mặt thấp hoặc mặt cao	x	x	x	x
70	Chụp Xquang sọ tiếp tuyến	x	x	x	x
71	Chụp Xquang hốc mắt thẳng nghiêng	x	x	x	
72	Chụp Xquang Blondeau	x	x	x	x
73	Chụp Xquang Hirtz	x	x	x	x
74	Chụp Xquang hàm chéch một bên	x	x	x	
75	Chụp Xquang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến	x	x	x	
76	Chụp Xquang hố yên thẳng hoặc nghiêng	x	x	x	x

Điện quang

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
77	Chụp Xquang Chausse III	x	x	x	
78	Chụp Xquang Schuller	x	x	x	
79	Chụp Xquang Stenvers	x	x	x	
80	Chụp Xquang khớp thái dương hàm	x	x	x	
81	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical)	x	x	x	x
82	Chụp Xquang răng cánh cắn (Bite wing)	x	x	x	
83	Chụp Xquang răng toàn cảnh	x	x		
84	Chụp Xquang phim cắn (Occlusal)	x	x	x	
85	Chụp Xquang mỏm trâm	x	x	x	
86	Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng	x	x	x	x
87	Chụp Xquang cột sống cổ chéo hai bên	x	x	x	
88	Chụp Xquang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế	x	x	x	
89	Chụp Xquang cột sống cổ C1-C2	x	x	x	
90	Chụp Xquang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chéo	x	x	x	x
91	Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng	x	x	x	x
92	Chụp Xquang cột sống thắt lưng chéo hai bên	x	x	x	x
93	Chụp Xquang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng	x	x	x	x
94	Chụp Xquang cột sống thắt lưng động, gập uốn	x	x	x	
95	Chụp Xquang cột sống thắt lưng De Sèze	x	x	x	
96	Chụp Xquang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng	x	x	x	
97	Chụp Xquang khớp cùng chậu thẳng chéo hai bên	x	x	x	
98	Chụp Xquang khung chậu thẳng	x	x	x	x
99	Chụp Xquang xương đòn thẳng hoặc chéo	x	x	x	x
100	Chụp Xquang khớp vai thẳng	x	x	x	x
101	Chụp Xquang khớp vai nghiêng hoặc chéo	x	x	x	
102	Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng	x	x	x	x
103	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng	x	x	x	x
104	Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chéo	x	x	x	x
105	Chụp Xquang khớp khuỷu gập (Jones hoặc Coyle)	x	x	x	x
106	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng	x	x	x	x
107	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chéo	x	x	x	x

Điện quang

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
108	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x
109	Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên	x	x	x	x
110	Chụp Xquang khớp háng nghiêng	x	x	x	
111	Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng	x	x	x	x
112	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x
113	Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè	x	x	x	
114	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng	x	x	x	x
115	Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x
116	Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x
117	Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng	x	x	x	x
118	Chụp Xquang toàn bộ chi dưới thẳng	x	x		
119	Chụp Xquang ngực thẳng	x	x	x	x
120	Chụp Xquang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên	x	x	x	x
121	Chụp Xquang xương ức thẳng, nghiêng	x	x	x	
122	Chụp Xquang khớp ức đòn thẳng chếch	x	x	x	
123	Chụp Xquang đỉnh phổi ưỡn	x	x	x	x
124	Chụp Xquang thực quản cổ nghiêng	x	x	x	x
125	Chụp Xquang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng	x	x	x	x
126	Chụp Xquang tuyến vú	x	x		
127	Chụp Xquang tại giường	x	x	x	
128	Chụp Xquang tại phòng mổ	x	x	x	
129	Chụp Xquang phim đo sọ thẳng, nghiêng (Cephalometric)	x	x		
	2. Chụp Xquang chẩn đoán có chuẩn bị				
130	Chụp Xquang thực quản dạ dày	x	x		
131	Chụp Xquang ruột non	x	x		
132	Chụp Xquang đại tràng	x	x		
133	Chụp Xquang đường mật qua Kehr	x	x	x	
134	Chụp Xquang mật tụy ngược dòng qua nội soi	x	x		
135	Chụp Xquang đường dò	x	x		
136	Chụp Xquang tuyến nước bọt	x	x		
137	Chụp Xquang tuyến lệ	x	x		

Điện quang

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
138	Chụp Xquang tử cung vòi trứng	x	x		
139	Chụp Xquang ống tuyến sữa	x	x		
140	Chụp Xquang niệu đồ tĩnh mạch (UIV)	x	x		
141	Chụp Xquang bể thận - niệu quản xuôi dòng	x	x		
142	Chụp Xquang niệu quản - bể thận ngược dòng	x	x		
143	Chụp Xquang niệu đạo bàng quang ngược dòng	x	x		
144	Chụp Xquang bàng quang trên xương mu	x	x		
145	Chụp Xquang động mạch tạng	x	x		
146	Chụp Xquang động mạch chi	x	x		
147	Chụp Xquang động mạch vành	x	x		
148	Chụp Xquang bao rỗng thần kinh	x	x		
	C. CHỤP CẮT LỚP VI TÍNH CHẨN ĐOÁN (CT)				
	1. Chụp cắt lớp vi tính vùng đầu mặt cổ từ 1 - 32 dãy				
149	Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
150	Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
151	Chụp CLVT hệ động mạch cảnh có tiêm thuốc cản quang	x	x		
152	Chụp CLVT tưới máu não (CT perfusion)	x	x		
153	Chụp CLVT mạch máu não	x	x		
154	Chụp CLVT sọ não có dựng hình 3D	x	x		
155	Chụp CLVT hàm - mặt không tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
156	Chụp CLVT hàm - mặt có tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
157	Chụp CLVT hàm mặt có ứng dụng phần mềm nha khoa	x	x		
158	Chụp CLVT tai - xương đá không tiêm thuốc	x	x		
159	Chụp CLVT tai - xương đá có tiêm thuốc cản quang	x	x		
160	Chụp CLVT hốc mắt	x	x	x	
161	Chụp CLVT hàm mặt có dựng hình 3D	x	x		
162	Chụp cắt lớp vi tính hàm mặt chùm tia hình nón hàm trên (Cone-Beam CT)	x	x		
163	Chụp cắt lớp vi tính hàm mặt chùm tia hình nón hàm dưới (Cone-Beam CT)	x	x		
164	Chụp cắt lớp vi tính hàm mặt chùm tia hình nón hàm trên hàm dưới (Cone-Beam CT)	x	x		

Điện quang

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
	2. Chụp cắt lớp vi tính vùng đầu mặt cổ từ 64 - 128 dãy				
165	Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản quang	x	x		
166	Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang	x	x		
167	Chụp CLVT hệ động mạch cảnh có tiêm thuốc cản quang	x	x		
168	Chụp CLVT tưới máu não (CT perfusion)	x	x		
169	Chụp CLVT mạch máu não	x	x		
170	Chụp CLVT sọ não có dựng hình 3D	x	x		
171	Chụp CLVT hàm - mặt không tiêm thuốc cản quang	x	x		
172	Chụp CLVT hàm - mặt có tiêm thuốc cản quang	x	x		
173	Chụp CLVT hàm mặt có ứng dụng phần mềm nha khoa	x	x		
174	Chụp CLVT tai - xương đá không tiêm thuốc	x	x		
175	Chụp CLVT tai - xương đá có tiêm thuốc cản quang	x	x		
176	Chụp CLVT hốc mắt	x	x		
177	Chụp CLVT hàm mặt có dựng hình 3D	x	x		
	3. Chụp cắt lớp vi tính vùng đầu mặt cổ từ ≥ 256 dãy				
178	Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản quang	x	x		
179	Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang	x	x		
180	Chụp CLVT hệ động mạch cảnh có tiêm thuốc cản quang	x	x		
181	Chụp CLVT tưới máu não (CT perfusion)	x	x		
182	Chụp CLVT mạch máu não	x	x		
183	Chụp CLVT sọ não có dựng hình 3D	x	x		
184	Chụp CLVT hàm - mặt không tiêm thuốc cản quang	x	x		
185	Chụp CLVT hàm - mặt có tiêm thuốc cản quang	x	x		
186	Chụp CLVT hàm mặt có ứng dụng phần mềm nha khoa	x	x		
187	Chụp CLVT tai - xương đá không tiêm thuốc	x	x		
188	Chụp CLVT tai - xương đá có tiêm thuốc cản quang	x	x		
189	Chụp CLVT hốc mắt	x	x		
190	Chụp CLVT hàm mặt có dựng hình 3D	x	x		
	4. Chụp cắt lớp vi tính vùng ngực từ 1 - 32 dãy				
191	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
192	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc cản quang	x	x	x	

Điện quang

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
193	Chụp cắt lớp vi tính phổi độ phân giải cao	x	x	x	
194	Chụp cắt lớp vi tính phổi liều thấp tầm soát u	x	x	x	
195	Chụp cắt lớp vi tính nội soi ảo cây phế quản	x	x		
196	Chụp cắt lớp vi tính động mạch phổi	x	x		
197	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ ngực	x	x		
198	Chụp cắt lớp vi tính động mạch vành, tim	x	x		
199	Chụp cắt lớp vi tính tính điểm vôi hóa mạch vành	x	x		
	5. Chụp cắt lớp vi tính vùng ngực từ 64 - 128 dãy				
200	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang	x	x		
201	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc cản quang	x	x		
202	Chụp cắt lớp vi tính phổi độ phân giải cao	x	x		
203	Chụp cắt lớp vi tính phổi liều thấp tầm soát u	x	x		
204	Chụp cắt lớp vi tính nội soi ảo cây phế quản	x	x		
205	Chụp cắt lớp vi tính động mạch phổi	x	x		
206	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ ngực	x	x		
207	Chụp cắt lớp vi tính động mạch vành, tim	x	x		
208	Chụp cắt lớp vi tính tính điểm vôi hóa mạch vành	x	x		
	6. Chụp cắt lớp vi tính vùng ngực từ ≥ 256 dãy				
209	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang	x	x		
210	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc cản quang	x	x		
211	Chụp cắt lớp vi tính phổi độ phân giải cao	x	x		
212	Chụp cắt lớp vi tính phổi liều thấp tầm soát u	x	x		
213	Chụp cắt lớp vi tính nội soi ảo cây phế quản	x	x		
214	Chụp cắt lớp vi tính động mạch phổi	x	x		
215	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ ngực	x	x		
216	Chụp cắt lớp vi tính động mạch vành, tim có dùng thuốc beta block	x	x		
217	Chụp cắt lớp vi tính động mạch vành, tim không dùng thuốc beta block	x	x		
218	Chụp cắt lớp vi tính tính điểm vôi hóa mạch vành	x	x		

Điện quang

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
	7. Chụp cắt lớp vi tính vùng bụng, tiểu khung từ 1 - 32 dãy				
219	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp Cắt lớp vi tính gan - mật, tụy, lách, dạ dày - tá tràng .v.v.)	x	x	x	
220	Chụp cắt lớp vi tính bụng - tiểu khung thường quy	x	x	x	
221	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung - buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.)	x	x	x	
222	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy	x	x	x	
223	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng có khảo sát mạch các tạng (bao gồm mạch: gan, tụy, lách và mạch khối u)	x	x		
224	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu có khảo sát mạch thận và/hoặc dựng hình đường bài xuất	x	x		
225	Chụp cắt lớp vi tính gan có dựng hình đường mật	x	x		
226	Chụp cắt lớp vi tính tạng khảo sát huyết động học khối u (CT perfusion)	x	x		
227	Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) không dùng sonde	x	x		
228	Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) có dùng sonde	x	x		
229	Chụp cắt lớp vi tính đại tràng (colo-scan) dung dịch hoặc hơi có nội soi ảo	x	x		
230	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ - chậu	x	x		
	8. Chụp cắt lớp vi tính vùng bụng, tiểu khung từ 64 - 128 dãy				
231	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp Cắt lớp vi tính gan - mật, tụy, lách, dạ dày - tá tràng .v.v.)	x	x		
232	Chụp cắt lớp vi tính bụng - tiểu khung thường quy	x	x		
233	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung - buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.)	x	x		
234	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy	x	x		
235	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng có khảo sát mạch các tạng (bao gồm mạch: gan, tụy, lách và mạch khối u)	x	x		
236	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu có khảo sát mạch thận và/hoặc dựng hình đường bài xuất	x	x		

Điện quang

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
237	Chụp cắt lớp vi tính gan có dựng hình đường mật	x	x		
238	Chụp cắt lớp vi tính tạng khảo sát huyết động học khối u (CT perfusion)	x	x		
239	Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) không dùng sonde	x	x		
240	Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) có dùng sonde	x	x		
241	Chụp cắt lớp vi tính đại tràng (colo-scan) dùng dịch hoặc hơi có nội soi ảo	x	x		
242	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ - chậu	x	x		
	9. Chụp cắt lớp vi tính vùng bụng, tiểu khung từ ≥ 256 dãy				
243	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp Cắt lớp vi tính gan - mật, tụy, lách, dạ dày - tá tràng .v.v.)	x	x		
244	Chụp cắt lớp vi tính bụng - tiểu khung thường quy	x	x		
245	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung - buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung .v.v.)	x	x		
246	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy	x	x		
247	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng có khảo sát mạch các tạng (bao gồm mạch: gan, tụy, lách và mạch khối u)	x	x		
248	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu có khảo sát mạch thận và/hoặc dựng hình đường bài xuất	x	x		
249	Chụp cắt lớp vi tính gan có dựng hình đường mật	x	x		
250	Chụp cắt lớp vi tính tạng khảo sát huyết động học khối u (CT perfusion)	x	x		
251	Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) không dùng sonde	x	x		
252	Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) có dùng sonde	x	x		
253	Chụp cắt lớp vi tính đại tràng (colo-scan) dùng dịch hoặc hơi có nội soi ảo	x	x		
254	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ - chậu	x	x		
	10. Chụp cắt lớp vi tính cột sống, xương khớp từ 1 - 32 dãy				
255	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ không tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
256	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ có tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
257	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực không tiêm thuốc cản quang	x	x	x	

Điện quang

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
258	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực có tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
259	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng không tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
260	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng có tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
261	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy không tiêm thuốc cản quang	x	x		
262	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy có tiêm thuốc cản quang	x	x		
263	Chụp cắt lớp vi tính khớp có tiêm thuốc cản quang vào ổ khớp	x			
264	Chụp cắt lớp vi tính xương chi không tiêm thuốc cản quang	x	x		
265	Chụp cắt lớp vi tính xương chi có tiêm thuốc cản quang	x	x		
266	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi trên	x	x		
267	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi dưới	x	x		
	11. Chụp cắt lớp vi tính cột sống, xương khớp từ 64 - 128 dãy				
268	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ không tiêm thuốc cản quang	x	x		
269	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ có tiêm thuốc cản quang	x	x		
270	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực không tiêm thuốc cản quang	x	x		
271	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực có tiêm thuốc cản quang	x	x		
272	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng không tiêm thuốc cản quang	x	x		
273	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng có tiêm thuốc cản quang	x	x		
274	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy không tiêm thuốc cản quang	x	x		
275	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy có tiêm thuốc cản quang	x	x		
276	Chụp cắt lớp vi tính khớp có tiêm thuốc cản quang vào ổ khớp	x			
277	Chụp cắt lớp vi tính xương chi không tiêm thuốc cản quang	x	x		
278	Chụp cắt lớp vi tính xương chi có tiêm thuốc cản quang	x	x		
279	Chụp cắt lớp vi tính tầm soát toàn thân	x	x		

Điện quang

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
280	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi trên	x	x		
281	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi dưới	x	x		
	12. Chụp cắt lớp vi tính cột sống, xương khớp từ ≥ 256 dãy				
282	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ không tiêm thuốc cản quang	x	x		
283	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ có tiêm thuốc cản quang	x	x		
284	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực không tiêm thuốc cản quang	x	x		
285	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực có tiêm thuốc cản quang	x	x		
286	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng không tiêm thuốc cản quang	x	x		
287	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng có tiêm thuốc cản quang	x	x		
288	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy không tiêm thuốc cản quang	x	x		
289	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy có tiêm thuốc cản quang	x	x		
290	Chụp cắt lớp vi tính khớp có tiêm thuốc cản quang vào ổ khớp	x			
291	Chụp cắt lớp vi tính xương chi không tiêm thuốc cản quang	x	x		
292	Chụp cắt lớp vi tính xương chi có tiêm thuốc cản quang	x	x		
293	Chụp cắt lớp vi tính tầm soát toàn thân	x	x		
294	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi trên	x	x		
295	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi dưới	x	x		
	D. CHỤP CỘNG HƯỞNG TỪ (Cộng hưởng từ)				
	1. Chụp cộng hưởng từ vùng đầu - mặt - cổ máy từ lực 0.2 - 1.5T				
296	Chụp cộng hưởng từ sọ não	x	x		
297	Chụp cộng hưởng từ sọ não có tiêm chất tương phản	x	x		
298	Chụp cộng hưởng từ não - mạch não không tiêm chất tương phản	x	x		
299	Chụp cộng hưởng từ não - mạch não có tiêm chất tương phản	x	x		
300	Chụp cộng hưởng từ hệ mạch cổ không tiêm chất tương phản	x	x		
301	Chụp cộng hưởng từ hệ mạch cổ có tiêm chất tương phản	x	x		

Điện quang

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
302	Chụp cộng hưởng từ tuyến yên có tiêm chất tương phản (khảo sát động học)	x	x		
303	Chụp cộng hưởng từ hốc mắt và thần kinh thị giác	x	x		
304	Chụp cộng hưởng từ hốc mắt và thần kinh thị giác có tiêm chất tương phản	x	x		
305	Chụp cộng hưởng từ tưới máu não (perfusion)	x	x		
306	Chụp cộng hưởng từ phổ não (spect tính rography)	x	x		
307	Chụp cộng hưởng từ các bó sợi thần kinh (tractography) hay Chụp Cộng hưởng từ khuếch tán sức căng (DTI - Diffusion Tensor Imaging)	x	x		
308	Chụp cộng hưởng từ khuếch tán (DWI - Diffusion - weighted Imaging)	x	x		
309	Chụp cộng hưởng từ đáy sọ và xương đá	x	x		
310	Chụp cộng hưởng từ vùng mặt - cổ	x	x		
311	Chụp cộng hưởng từ vùng mặt - cổ có tiêm tương phản	x	x		
312	Chụp cộng hưởng từ sọ não chức năng	x			
	2. Chụp cộng hưởng từ vùng ngực máy từ lực 0.2 - 1.5T				
313	Chụp cộng hưởng từ lồng ngực	x	x		
314	Chụp cộng hưởng từ lồng ngực có tiêm thuốc cản quang	x	x		
315	Chụp cộng hưởng từ thông khí phổi (Heli)	x	x		
316	Chụp cộng hưởng từ tuyến vú	x	x		
317	Chụp cộng hưởng từ tuyến vú động học có tiêm tương phản	x	x		
318	Chụp cộng hưởng từ phổ tuyến vú	x	x		
	3. Chụp cộng hưởng từ vùng bụng, chậu máy từ lực 0.2 - 1.5T				
319	Chụp cộng hưởng từ tăng bụng không tiêm chất tương phản (gồm: chụp cộng hưởng từ gan - mật, tụy, lách, thận, dạ dày - tá tràng...)	x	x		
320	Chụp cộng hưởng từ tăng bụng có tiêm chất tương phản (gồm: chụp cộng hưởng từ gan - mật, tụy, lách, thận, dạ dày - tá tràng...)	x	x		
321	Chụp cộng hưởng từ vùng chậu (gồm: chụp cộng hưởng từ tử cung - phần phụ, tiền liệt tuyến, đại tràng chậu hông, trực tràng, các khối u vùng chậu...)	x	x		

Điện quang

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
322	Chụp cộng hưởng từ vùng chậu dò hậu môn	x	x		
323	Chụp cộng hưởng từ vùng chậu có tiêm chất tương phản (gồm: chụp cộng hưởng từ tử cung - phần phụ, tiền liệt tuyến, đại tràng chậu hông, trực tràng, các khối u vùng chậu...)	x	x		
324	Chụp cộng hưởng từ bìu, dương vật	x	x		
325	Chụp cộng hưởng từ bìu, dương vật có tiêm chất tương phản	x	x		
326	Chụp cộng hưởng từ động học sàn chậu, tổng phân (defecography-MR)	x	x		
327	Chụp cộng hưởng từ ruột non (enteroclysis)	x	x		
328	Chụp cộng hưởng từ nội soi ảo khung đại tràng (virtual colonoscopy)	x	x		
329	Chụp cộng hưởng từ tuyến tiền liệt có tiêm tương phản	x	x		
330	Chụp cộng hưởng từ phổ tuyến tiền liệt	x	x		
331	Chụp cộng hưởng từ đánh giá bánh nhau (rau)	x	x		
332	Chụp cộng hưởng từ thai nhi	x	x		
333	Chụp cộng hưởng từ gan với chất tương phản đặc hiệu mô	x	x		
	4. Chụp Cộng hưởng từ cột sống - ống sống và xương khớp máy từ lực 0.2 - 1.5T				
334	Chụp cộng hưởng từ cột sống cổ	x	x		
335	Chụp cộng hưởng từ cột sống cổ có tiêm tương phản	x	x		
336	Chụp cộng hưởng từ cột sống ngực	x	x		
337	Chụp cộng hưởng từ cột sống ngực có tiêm tương phản	x	x		
338	Chụp cộng hưởng từ cột sống thắt lưng - cùng	x	x		
339	Chụp cộng hưởng từ cột sống thắt lưng - cùng có tiêm tương phản	x	x		
340	Chụp cộng hưởng từ khớp	x	x		
341	Chụp cộng hưởng từ khớp có tiêm tương phản tĩnh mạch	x	x		
342	Chụp cộng hưởng từ khớp có tiêm tương phản nội khớp	x	x		
343	Chụp cộng hưởng từ xương và tủy xương	x	x		
344	Chụp cộng hưởng từ xương và tủy xương có tiêm tương phản	x	x		

Điện quang

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
345	Chụp cộng hưởng từ phần mềm chi	x	x		
346	Chụp cộng hưởng từ phần mềm chi có tiêm tương phản	x	x		
	5. Chụp cộng hưởng từ tim mạch máy từ lực 1.5T				
347	Chụp cộng hưởng từ động mạch chủ - chậu	x	x		
348	Chụp cộng hưởng từ động mạch chủ - ngực	x	x		
349	Chụp cộng hưởng từ động mạch vành	x	x		
350	Chụp cộng hưởng từ tim	x	x		
351	Chụp cộng hưởng từ tầng trên ổ bụng có khảo sát mạch các tạng (bao gồm mạch: gan, tụy, lách và mạch khối u)	x	x		
352	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi trên	x	x		
353	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi trên có tiêm tương phản	x	x		
354	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi dưới	x	x		
355	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi dưới có tiêm tương phản	x	x		
356	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi toàn thân	x	x		
357	Chụp cộng hưởng từ động mạch toàn thân có tiêm tương phản	x	x		
358	Chụp cộng hưởng từ tĩnh mạch	x	x		
359	Chụp cộng hưởng từ tĩnh mạch có tiêm tương phản	x	x		
360	Chụp cộng hưởng từ bạch mạch có tiêm tương phản không đặc hiệu	x	x		
361	Chụp cộng hưởng từ bạch mạch có tiêm tương phản đặc hiệu	x	x		
	6. Chụp cộng hưởng từ toàn thân và kỹ thuật đặc biệt khác máy 1.5T				
362	Chụp cộng hưởng từ toàn thân tầm soát và đánh giá giai đoạn TNM	x	x		
363	Chụp cộng hưởng từ toàn thân tầm soát và đánh giá giai đoạn có tiêm tương phản	x	x		
364	Chụp cộng hưởng từ dây thần kinh ngoại biên (neurography MR)	x	x		
365	Chụp cộng hưởng từ tưới máu các tạng	x	x		

Điện quang

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
	7. Chụp cộng hưởng từ vùng đầu - mặt - cổ máy từ lực $\geq 3T$				
366	Chụp cộng hưởng từ sọ não	x	x		
367	Chụp cộng hưởng từ sọ não có tiêm chất tương phản	x	x		
368	Chụp cộng hưởng từ não - mạch não không tiêm chất tương phản	x	x		
369	Chụp cộng hưởng từ não - mạch não có tiêm chất tương phản	x	x		
370	Chụp cộng hưởng từ hệ mạch cổ không tiêm chất tương phản	x	x		
371	Chụp cộng hưởng từ hệ mạch cổ có tiêm chất tương phản	x	x		
372	Chụp cộng hưởng từ tuyến yên có tiêm chất tương phản (khảo sát động học)	x	x		
373	Chụp cộng hưởng từ hốc mắt và thần kinh thị giác	x	x		
374	Chụp cộng hưởng từ hốc mắt và thần kinh thị giác có tiêm chất tương phản	x	x		
375	Chụp cộng hưởng từ tưới máu não (perfusion)	x	x		
376	Chụp cộng hưởng từ phổ não (spect tính rography)	x	x		
377	Chụp cộng hưởng từ các bó sợi thần kinh (tractography) hay Chụp Cộng hưởng từ khuếch tán sức căng (DTI - Diffusion Tensor Imaging)	x	x		
378	Chụp cộng hưởng từ khuếch tán (DWI - Diffusion-weighted Imaging)	x	x		
379	Chụp cộng hưởng từ đáy sọ và xương đá	x	x		
380	Chụp cộng hưởng từ vùng mặt - cổ	x	x		
381	Chụp cộng hưởng từ vùng mặt - cổ có tiêm tương phản	x	x		
382	Chụp cộng hưởng từ sọ não chức năng	x			
	8. Chụp cộng hưởng từ vùng ngực máy từ lực $\geq 3T$				
383	Chụp cộng hưởng từ lồng ngực	x	x		
384	Chụp cộng hưởng từ lồng ngực có tiêm thuốc cản quang	x	x		
385	Chụp cộng hưởng từ thông khí phổi (Heli)	x	x		
386	Chụp cộng hưởng từ tuyến vú	x	x		
387	Chụp cộng hưởng từ tuyến vú động học có tiêm tương phản	x	x		
388	Chụp cộng hưởng từ phổ tuyến vú	x	x		

Điện quang

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
	9. Chụp cộng hưởng từ vùng bụng, chậu máu từ lực $\geq 3T$				
389	Chụp cộng hưởng từ tăng bụng không tiêm chất tương phản (gồm: chụp cộng hưởng từ gan - mật, tụy, lách, thận, dạ dày - tá tràng...)	x	x		
390	Chụp cộng hưởng từ tăng bụng có tiêm chất tương phản (gồm: chụp cộng hưởng từ gan - mật, tụy, lách, thận, dạ dày - tá tràng...)	x	x		
391	Chụp cộng hưởng từ vùng chậu (gồm: chụp cộng hưởng từ tử cung - phần phụ, tiền liệt tuyến, đại tràng chậu hông, trực tràng, các khối u vùng chậu...)	x	x		
392	Chụp cộng hưởng từ vùng chậu dò hậu môn	x	x		
393	Chụp cộng hưởng từ vùng chậu có tiêm chất tương phản (gồm: chụp cộng hưởng từ tử cung - phần phụ, tiền liệt tuyến, đại tràng chậu hông, trực tràng, các khối u vùng chậu...)	x	x		
394	Chụp cộng hưởng từ bìu, dương vật	x	x		
395	Chụp cộng hưởng từ bìu, dương vật có tiêm chất tương phản	x	x		
396	Chụp cộng hưởng từ động học sàn chậu, tổng phân (defecography-MR)	x	x		
397	Chụp cộng hưởng từ ruột non (enteroclysis)	x	x		
398	Chụp cộng hưởng từ nội soi ảo khung đại tràng (virtual colonoscopy)	x	x		
399	Chụp cộng hưởng từ tuyến tiền liệt có tiêm tương phản	x	x		
400	Chụp cộng hưởng từ phổ tuyến tiền liệt	x	x		
401	Chụp cộng hưởng từ đánh giá bánh nhau (rau)	x	x		
402	Chụp cộng hưởng từ thai nhi	x	x		
403	Chụp cộng hưởng từ gan với chất tương phản đặc hiệu mô	x	x		
	10. Chụp Cộng hưởng từ cột sống - ống sống và xương khớp máu từ lực $\geq 3T$				
404	Chụp cộng hưởng từ cột sống cổ	x	x		
405	Chụp cộng hưởng từ cột sống cổ có tiêm tương phản	x	x		
406	Chụp cộng hưởng từ cột sống ngực	x	x		

Điện quang

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
407	Chụp cộng hưởng từ cột sống ngực có tiêm tương phản	x	x		
408	Chụp cộng hưởng từ cột sống thắt lưng - cùng	x	x		
409	Chụp cộng hưởng từ cột sống thắt lưng - cùng có tiêm tương phản	x	x		
410	Chụp cộng hưởng từ khớp	x	x		
411	Chụp cộng hưởng từ khớp có tiêm tương phản tĩnh mạch	x	x		
412	Chụp cộng hưởng từ khớp có tiêm tương phản nội khớp	x	x		
413	Chụp cộng hưởng từ xương và tủy xương	x	x		
414	Chụp cộng hưởng từ xương và tủy xương có tiêm tương phản	x	x		
415	Chụp cộng hưởng từ phần mềm chi	x	x		
416	Chụp cộng hưởng từ phần mềm chi có tiêm tương phản	x	x		
	11. Chụp cộng hưởng từ tim mạch máy từ lực $\geq 3T$				
417	Chụp cộng hưởng từ động mạch chủ - chậu	x	x		
418	Chụp cộng hưởng từ động mạch chủ - ngực	x	x		
419	Chụp cộng hưởng từ động mạch vành	x	x		
420	Chụp cộng hưởng từ tim	x	x		
421	Chụp cộng hưởng từ tăng trên ổ bụng có khảo sát mạch các tạng (bao gồm mạch: gan, tụy, lách và mạch khối u)	x	x		
422	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi trên	x	x		
423	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi trên có tiêm tương phản	x	x		
424	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi dưới	x	x		
425	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi dưới có tiêm tương phản	x	x		
426	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi toàn thân	x	x		
427	Chụp cộng hưởng từ động mạch toàn thân có tiêm tương phản	x	x		
428	Chụp cộng hưởng từ tĩnh mạch	x	x		
429	Chụp cộng hưởng từ tĩnh mạch có tiêm tương phản	x	x		
430	Chụp cộng hưởng từ bạch mạch có tiêm tương phản không đặc hiệu	x	x		
431	Chụp cộng hưởng từ bạch mạch có tiêm tương phản đặc hiệu	x	x		
	12. Chụp cộng hưởng từ toàn thân và kỹ thuật đặc biệt khác máy từ lực $\geq 3T$				
432	Chụp cộng hưởng từ toàn thân tầm soát và đánh giá giai đoạn TNM	x	x		

Điện quang

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
433	Chụp cộng hưởng từ toàn thân tầm soát và đánh giá giai đoạn có tiềm tương phản	x	x		
434	Chụp cộng hưởng từ dây thần kinh ngoại biên (neurography MR)	x	x		
435	Chụp cộng hưởng từ tưới máu các tạng	x	x		
	Đ. KỸ THUẬT ĐIỆN QUANG MẠCH MÁU VÀ CAN THIỆP				
	1. Chụp mạch dưới Xquang tăng sáng				
436	Chụp động mạch não dưới Xquang tăng sáng	x	x		
437	Chụp mạch vùng đầu mặt cổ dưới Xquang tăng sáng	x	x		
438	Chụp động mạch chủ dưới Xquang tăng sáng	x	x		
439	Chụp động mạch chậu dưới Xquang tăng sáng	x	x		
440	Chụp động mạch chi (trên, dưới) dưới Xquang tăng sáng	x	x		
441	Chụp động mạch phổi dưới Xquang tăng sáng	x	x		
442	Chụp động mạch phế quản dưới Xquang tăng sáng				
443	Chụp động mạch tạng (gan, lách, thận, tử cung, sinh dục..) dưới Xquang tăng sáng	x	x		
444	Chụp động mạch mạc treo dưới Xquang tăng sáng	x	x		
445	Chụp tĩnh mạch dưới Xquang tăng sáng	x	x		
446	Chụp tĩnh mạch lách - cửa dưới Xquang tăng sáng	x	x		
447	Chụp tĩnh mạch chi dưới Xquang tăng sáng	x	x		
448	Chụp động mạch các loại chọc kim trực tiếp dưới Xquang tăng sáng	x	x		
	2. Chụp và can thiệp mạch dưới Xquang tăng sáng				
449	Chụp và can thiệp động mạch chủ ngực dưới Xquang tăng sáng	x	x		
450	Chụp và can thiệp động mạch chủ bụng dưới Xquang tăng sáng	x	x		
451	Chụp, nong và đặt Stent động mạch chi (trên, dưới) dưới Xquang tăng sáng	x	x		
452	Chụp và nong động mạch chi (trên, dưới) dưới Xquang tăng sáng	x	x		

Điện quang

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
453	Chụp và nút mạch dị dạng động mạch chi (trên, dưới) dưới Xquang tăng sáng	x	x		
454	Chụp và nong cầu nối động mạch chi (trên, dưới) dưới Xquang tăng sáng	x	x		
455	Chụp và can thiệp tĩnh mạch chi (trên, dưới) dưới Xquang tăng sáng	x	x		
456	Chụp và lấy máu tĩnh mạch thượng thận dưới Xquang tăng sáng	x	x		
457	Chụp và đặt lưới lọc tĩnh mạch chủ dưới Xquang tăng sáng	x	x		
458	Chụp và nút mạch điều trị ung thư biểu mô tế bào gan dưới Xquang tăng sáng	x	x		
459	Chụp và nút động mạch gan dưới Xquang tăng sáng	x	x		
460	Chụp và nút hệ tĩnh mạch cửa gan dưới Xquang tăng sáng	x	x		
461	Chụp và nút động mạch phế quản dưới Xquang tăng sáng	x	x		
462	Chụp và can thiệp động mạch phổi dưới Xquang tăng sáng	x	x		
463	Chụp và can thiệp động mạch mạc treo (tràng trên, tràng dưới) dưới Xquang tăng sáng	x	x		
464	Chụp và nút mạch điều trị u xơ tử cung dưới Xquang tăng sáng	x	x		
465	Chụp và nút mạch điều trị lạc nội mạc trong cơ tử cung dưới Xquang tăng sáng	x	x		
466	Chụp và nút động mạch tử cung dưới Xquang tăng sáng	x	x		
467	Chụp và nút giãn tĩnh mạch tinh dưới Xquang tăng sáng	x	x		
468	Chụp và nút giãn tĩnh mạch buồng trứng dưới Xquang tăng sáng	x	x		
469	Chụp và can thiệp động mạch lách dưới Xquang tăng sáng	x	x		
470	Chụp và can thiệp mạch tá tụy dưới Xquang tăng sáng	x	x		
471	Chụp và nút dị dạng động mạch thận dưới Xquang tăng sáng	x	x		
472	Chụp và nút động mạch điều trị cầm máu các tạng dưới Xquang tăng sáng	x	x		

Điện quang

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
473	Chụp và nút mạch tiên phẫu các khối u dưới Xquang tăng sáng	x	x		
474	Chụp và nút mạch điều trị chảy máu mũi dưới Xquang tăng sáng	x	x		
475	Chụp và nút mạch điều trị u xơ mũi họng dưới Xquang tăng sáng	x	x		
476	Chụp và nút mạch điều trị bệnh lý dị dạng mạch vùng đầu mặt cổ và hàm mặt dưới Xquang tăng sáng	x	x		
477	Đỗ xi măng cột sống dưới Xquang tăng sáng	x	x		
478	Tiêm phá đông khớp vai dưới Xquang tăng sáng	x	x		
479	Điều trị tiêm giảm đau cột sống dưới Xquang tăng sáng	x	x		
480	Điều trị tiêm giảm đau khớp dưới Xquang tăng sáng	x	x		
481	Điều trị u xương dạng xương dưới Xquang tăng sáng	x	x		
482	Điều trị các tổn thương xương dưới Xquang tăng sáng	x	x		
483	Đặt cổng truyền hóa chất dưới da dưới Xquang tăng sáng	x	x		
484	Mở thông dạ dày qua da dưới Xquang tăng sáng	x	x		
485	Điều trị tiêm xơ trực tiếp qua da dưới Xquang tăng sáng	x	x		
486	Điều trị bơm tắc mạch trực tiếp qua da dưới Xquang tăng sáng	x	x		
487	Tháo lồng ruột bằng bơm hơi hoặc thuốc cản quang dưới Xquang tăng sáng	x	x		
488	Điều trị thoát vị đĩa đệm qua da dưới Xquang tăng sáng	x	x		
489	Dẫn lưu đường mật dưới Xquang tăng sáng	x	x		
490	Nong đặt Stent đường mật dưới Xquang tăng sáng	x	x		
491	Mở thông dạ dày qua da dưới Xquang tăng sáng	x	x		
492	Dẫn lưu áp xe ổ bụng dưới Xquang tăng sáng	x	x		
493	Dẫn lưu các ổ dịch ổ bụng dưới Xquang tăng sáng	x	x		
494	Dẫn lưu áp xe các tạng (gan, lách, thận, ruột thừa...) dưới Xquang tăng sáng	x	x		
495	Dẫn lưu bể thận dưới Xquang tăng sáng	x	x		
496	Đặt sonde JJ dưới Xquang tăng sáng	x	x		
497	Nong và đặt Stent điều trị hẹp tắc vị tràng bằng điện quang can thiệp dưới Xquang tăng sáng	x	x		

Điện quang

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
498	Cán thiệp điều trị hẹp đại tràng trước và sau phẫu thuật dưới Xquang tăng sáng	x	x		
499	Nong đặt Stent thực quản, dạ dày dưới Xquang tăng sáng	x	x		
500	Sinh thiết trong lòng đường mật qua da dưới Xquang tăng sáng	x	x		
	3. Chụp mạch số hóa xóa nền (DSA)				
501	Chụp động mạch não số hóa xóa nền	x	x		
502	Chụp mạch vùng đầu mặt cổ số hóa xóa nền	x	x		
503	Chụp động mạch chủ số hóa xóa nền	x	x		
504	Chụp động mạch chậu số hóa xóa nền	x	x		
505	Chụp động mạch chi (trên, dưới) số hóa xóa nền	x	x		
506	Chụp động mạch phổi số hóa xóa nền	x	x		
507	Chụp động mạch phế quản số hóa xóa nền				
508	Chụp các động mạch tủy	x	x		
509	Chụp động mạch tạng (gan, lách, thận, tử cung, sinh dục..) số hóa xóa nền	x	x		
510	Chụp động mạch mạc treo số hóa xóa nền	x	x		
511	Chụp tĩnh mạch số hóa xóa nền	x	x		
512	Chụp tĩnh mạch lách - cửa số hóa xóa nền	x	x		
513	Chụp tĩnh mạch lách - cửa đo áp lực số hóa xóa nền	x	x		
514	Chụp tĩnh mạch chi số hóa xóa nền	x	x		
515	Chụp động mạch các loại chọc kim trực tiếp số hóa xóa nền	x	x		
	4. Chụp và can thiệp mạch số hóa xóa nền				
516	Chụp và can thiệp mạch chủ ngực số hóa xóa nền	x	x		
517	Chụp và can thiệp mạch chủ bụng số hóa xóa nền	x	x		
518	Chụp và nong động mạch chi (trên, dưới) số hóa xóa nền	x	x		
519	Chụp, nong và đặt Stent động mạch chi (trên, dưới) số hóa xóa nền	x	x		
520	Chụp và nút mạch dị dạng mạch chi (trên, dưới) số hóa xóa nền	x	x		
521	Chụp và nong cầu nối mạch chi (trên, dưới) số hóa xóa nền	x	x		
522	Chụp và can thiệp tĩnh mạch chi (trên, dưới) số hóa xóa nền	x	x		

Điện quang

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
523	Điều trị suy tĩnh mạch chi dưới bằng đốt sóng RF, Lazer...	x	x		
524	Chụp và điều trị bơm thuốc tiêu sợi huyết tại chỗ mạch chi qua ống thông số hóa xóa nền	x	x		
525	Chụp và điều trị lấy huyết khối qua ống thông điều trị tắc mạch chi số hóa xóa nền	x	x		
526	Chụp và lấy máu tĩnh mạch tuyến thượng thận số hóa xóa nền	x	x		
527	Chụp và đặt lưới lọc tĩnh mạch chủ số hóa xóa nền	x	x		
528	Chụp và nút mạch điều trị u gan số hóa xóa nền	x	x		
529	Chụp và nút động mạch gan số hóa xóa nền	x	x		
530	Chụp nút mạch điều trị ung thư gan (TACE)	x	x		
531	Chụp và nút hệ tĩnh mạch cửa gan số hóa xóa nền	x	x		
532	Chụp và nút động mạch phế quản số hóa xóa nền	x	x		
533	Chụp và can thiệp mạch phổi số hóa xóa nền	x	x		
534	Chụp và nút mạch mạc treo (tràng trên, tràng dưới) số hóa xóa nền	x	x		
535	Chụp và nút mạch điều trị u xơ tử cung số hóa xóa nền	x	x		
536	Chụp và nút mạch điều trị lạc nội mạc trong cơ tử cung số hóa xóa nền	x	x		
537	Chụp và nút động mạch tử cung số hóa xóa nền	x	x		
538	Chụp và nút giãn tĩnh mạch tinh số hóa xóa nền	x	x		
539	Chụp và nút giãn tĩnh mạch buồng trứng số hóa xóa nền	x	x		
540	Chụp và can thiệp mạch lách số hóa xóa nền	x	x		
541	Chụp và can thiệp mạch tá tràng số hóa xóa nền	x	x		
542	Chụp, nong và đặt stent động mạch mạc treo (tràng trên, tràng dưới) số hóa xóa nền	x	x		
543	Chụp, nong và đặt Stent động mạch thận số hóa xóa nền	x	x		
544	Chụp và nút dị dạng động mạch thận số hóa xóa nền	x	x		
545	Chụp và nút mạch bằng hạt DC Bead gắn hóa chất điều trị u gan số hóa xóa nền	x	x		
546	Chụp và tạo luồng thông cửa chủ qua da (TIPS) số hóa xóa nền	x	x		

Điện quang

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
547	Chụp và điều trị giãn tĩnh mạch dạ dày số hóa xóa nền	x	x		
548	Chụp và điều trị giãn tĩnh mạch thực quản xuyên gan qua da số hóa xóa nền	x	x		
549	Chụp và sinh thiết gan qua tĩnh mạch trên gan số hóa xóa nền	x	x		
550	Chụp và nút động mạch điều trị cầm máu các tạng số hóa xóa nền	x	x		
551	Chụp và nút dị dạng mạch các tạng số hóa xóa nền	x	x		
552	Chụp và bơm dược chất phóng xạ, hạt phóng xạ điều trị khối u số hóa xóa nền	x			
553	Chụp và nút phình động mạch não số hóa xóa nền	x	x		
554	Chụp và điều trị phình động mạch não bằng thay đổi dòng chảy số hóa xóa nền	x	x		
555	Chụp và nút dị dạng thông động tĩnh mạch não số hóa xóa nền	x	x		
556	Chụp và nút thông động mạch cảnh xoang hang số hóa xóa nền	x	x		
557	Chụp và nút dị dạng thông động tĩnh mạch màng cứng số hóa xóa nền	x	x		
558	Chụp và test nút động mạch não số hóa xóa nền	x	x		
559	Chụp và nút dị dạng mạch tủy số hóa xóa nền	x	x		
560	Chụp và nút động mạch đốt sống số hóa xóa nền	x	x		
561	Chụp và nút mạch tiền phẫu các khối u số hóa xóa nền	x	x		
562	Chụp, nong và đặt stent điều trị hẹp động mạch ngoài sọ (mạch cảnh, đốt sống) số hóa xóa nền	x	x		
563	Chụp và nong hẹp động mạch nội sọ số hóa xóa nền	x	x		
564	Chụp, nong và đặt Stent điều trị hẹp động mạch nội sọ số hóa xóa nền	x	x		
565	Chụp và bơm thuốc tiêu sợi huyết đường động mạch điều trị tắc động mạch não cấp số hóa xóa nền	x	x		
566	Chụp và can thiệp lấy huyết khối động mạch não số hóa xóa nền	x	x		
567	Chụp và can thiệp các bệnh lý hệ tĩnh mạch não số hóa xóa nền	x	x		

Điện quang

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
568	Chụp và nút mạch điều trị chảy máu mũi số hóa xóa nền	x	x		
569	Chụp và nút mạch điều trị u xơ mũi họng số hóa xóa nền	x	x		
570	Chụp và nút mạch điều trị bệnh lý dị dạng mạch vùng đầu mặt cổ và hàm mặt số hóa xóa nền	x	x		
571	Chụp và lấy máu tĩnh mạch tuyến yên số hóa xóa nền	x	x		
572	Đổ xi măng cột sống số hóa xóa nền	x	x		
573	Tạo hình và đổ xi măng cột sống (kyphoplasty)	x	x		
574	Tiêm phá đông khớp vai số hóa xóa nền	x	x		
575	Điều trị tiêm giảm đau cột sống số hóa xóa nền	x	x		
576	Điều trị tiêm giảm đau khớp số hóa xóa nền	x	x		
577	Điều trị u xương dạng xương số hóa xóa nền	x	x		
578	Điều trị các tổn thương xương số hóa xóa nền	x	x		
579	Điều trị các khối u tạng (thận, lách, tụy...) số hóa xóa nền	x	x		
580	Đốt sóng cao tần điều trị các khối u số hóa xóa nền	x	x		
581	Đặt công truyền hóa chất dưới da số hóa xóa nền	x	x		
582	Mở thông dạ dày qua da số hóa xóa nền	x	x		
583	Đốt sóng cao tần điều trị suy giãn tĩnh mạch số hóa xóa nền	x	x		
584	Điều trị tiêm xơ trực tiếp qua da số hóa xóa nền	x	x		
585	Điều trị bơm tắc mạch trực tiếp qua da số hóa xóa nền	x	x		
586	Điều trị thoát vị đĩa đệm qua da số hóa xóa nền	x	x		
587	Dẫn lưu đường mật số hóa xóa nền	x	x		
588	Nong đặt Stent đường mật số hóa xóa nền	x	x		
589	Mở thông dạ dày qua da số hóa xóa nền	x	x		
590	Dẫn lưu áp xe ngực/bụng số hóa xóa nền	x	x		
591	Dẫn lưu các ổ dịch ngực/bụng số hóa xóa nền	x	x		
592	Dẫn lưu áp xe các tạng (gan, lách, thận, ruột thừa...) số hóa xóa nền	x	x		
593	Dẫn lưu bể thận số hóa xóa nền	x	x		
594	Đặt sonde JJ số hóa xóa nền	x	x		
595	Nong và đặt Stent điều trị hẹp tắc vị tràng số hóa xóa nền	x	x		

Điện quang

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
596	Nong điều trị hẹp tắc vị tràng số hóa xóa nền	x	x		
597	Can thiệp điều trị hẹp đại tràng trước và sau phẫu thuật số hóa xóa nền	x	x		
598	Nong đặt Stent thực quản, dạ dày số hóa xóa nền	x	x		
599	Sinh thiết trong lòng đường mật qua da số hóa xóa nền	x	x		
600	Diệt hạch điều trị đau dây V số hóa xóa nền	x	x		
	5. Sinh thiết, chọc hút và điều trị dưới hướng dẫn siêu âm				
601	Đốt sóng cao tần điều trị u gan dưới hướng dẫn siêu âm	x	x		
602	Đốt sóng cao tần điều trị các u tạng dưới hướng dẫn siêu âm	x	x		
603	Sinh thiết gan dưới hướng dẫn siêu âm	x	x	x	
604	Sinh thiết gan ghép dưới hướng dẫn siêu âm	x			
605	Sinh thiết vú dưới hướng dẫn siêu âm	x	x	x	
606	Sinh thiết lách dưới hướng dẫn siêu âm	x	x	x	
607	Sinh thiết thận dưới hướng dẫn siêu âm	x	x	x	
608	Sinh thiết thận ghép dưới hướng dẫn siêu âm	x			
609	Sinh thiết hạch (hoặc u) dưới hướng dẫn siêu âm	x	x	x	
610	Sinh thiết tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm	x	x	x	
611	Sinh thiết phần mềm dưới hướng dẫn siêu âm	x	x	x	
612	Sinh thiết các tạng dưới hướng dẫn siêu âm	x	x	x	
613	Sinh thiết tiền liệt tuyến qua trực tràng dưới hướng dẫn siêu âm	x	x		
614	Đốt sóng cao tần điều trị ung thư gan (RFA) dưới hướng dẫn siêu âm	x	x		
615	Chích đốt Laser dưới hướng dẫn siêu âm	x	x		
616	Bơm Ethanol trực tiếp dưới hướng dẫn siêu âm	x	x		
617	Tiêm xơ khối u dưới hướng dẫn của siêu âm	x			
618	Sinh thiết phổi/màng phổi dưới hướng dẫn siêu âm	x	x		
619	Chọc hút tế bào tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm	x	x	x	
620	Chọc hút hạch (hoặc u) dưới hướng dẫn siêu âm	x	x	x	
621	Chọc hút tế bào tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm	x	x	x	
622	Chọc nang tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm	x	x	x	

Điện quang

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
623	Chọc hút nang vú dưới hướng dẫn siêu âm	x	x		
624	Chọc hút nang, tiêm xơ dưới hướng dẫn siêu âm	x	x		
625	Chọc hút dịch ổ khớp dưới hướng dẫn siêu âm	x	x		
626	Chọc ối dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
627	Chọc hút, sinh thiết khối u trung thất qua siêu âm thực quản	x	x		
628	Chọc hút dịch màng tin dưới hướng dẫn siêu âm	x	x		
629	Chọc hút ổ dịch, áp xe dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
630	Chọc hút tế bào dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
631	Chọc mạch máu dưới hướng dẫn siêu âm	x	x		
632	Dẫn lưu các ổ dịch trong ổ bụng dưới hướng dẫn siêu âm	x	x		
633	Dẫn lưu dịch, áp xe, nang dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
	6. Sinh thiết, chọc hút và điều trị dưới hướng dẫn cắt lớp vi tính				
634	Đốt sóng cao tần điều trị u gan dưới hướng dẫn cắt lớp vi tính	x	x		
635	Đốt sóng cao tần điều trị các u tạng dưới hướng dẫn cắt lớp vi tính	x	x		
636	Sinh thiết phổi/màng phổi dưới cắt lớp vi tính	x	x		
637	Sinh thiết trung thất dưới cắt lớp vi tính	x	x		
638	Sinh thiết gan dưới cắt lớp vi tính	x	x		
639	Sinh thiết thận dưới cắt lớp vi tính	x	x		
640	Sinh thiết lách dưới cắt lớp vi tính	x	x		
641	Sinh thiết tụy dưới cắt lớp vi tính	x	x		
642	Sinh thiết gan ghép dưới cắt lớp vi tính	x			
643	Sinh thiết thận ghép dưới cắt lớp vi tính	x			
644	Sinh thiết xương dưới cắt lớp vi tính	x	x		
645	Sinh thiết cột sống dưới cắt lớp vi tính	x	x		
646	Sinh thiết não dưới cắt lớp vi tính	x	x		
647	Sinh thiết phần mềm dưới cắt lớp vi tính	x	x		
648	Sinh thiết tạng hay khối ổ bụng dưới cắt lớp vi tính	x	x		
649	Chọc hút ổ dịch/áp xe não dưới cắt lớp vi tính	x	x		
650	Chọc hút ổ dịch, áp xe dưới hướng dẫn cắt lớp vi tính	x	x		

Điện quang

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
651	Chọc hút hạch hoặc u dưới hướng dẫn cắt lớp vi tính	x	x		
652	Dẫn lưu các ổ dịch trong ổ bụng dưới hướng dẫn cắt lớp vi tính	x	x		
653	Dẫn lưu dịch, áp xe, nang dưới hướng dẫn cắt lớp vi tính	x	x		
	7. Can thiệp dưới cộng hưởng từ				
654	Sinh thiết các tạng dưới cộng hưởng từ	x			
655	Sinh thiết vú dưới cộng hưởng từ	x			
656	Sinh thiết não dưới cộng hưởng từ	x			
	8. Điện quang tim mạch				
657	Chụp động mạch vành	x	x		
658	Chụp, nong động mạch vành bằng bóng	x	x		
659	Chụp, nong và đặt stent động mạch vành	x	x		
660	Sinh thiết cơ tim	x	x		
661	Thông tim ống lớn	x	x		
662	Nong van hai lá	x	x		
663	Nong van động mạch chủ	x	x		
664	Nong van động mạch phổi	x	x		
665	Bít thông liên nhĩ	x	x		
666	Bít thông liên thất	x	x		
667	Bít ống động mạch	x	x		
668	Điều trị rối loạn nhịp tim bằng sóng cao tần	x	x		
669	Đặt máy tạo nhịp	x	x		
670	Đặt máy tạo nhịp phá rung	x	x		
671	Thăm dò điện sinh lý trong buồng tim	x	x		
672	Chụp nong động mạch ngoại biên bằng bóng	x	x		
673	Chụp, nong động mạch và đặt stent	x	x		
674	Bít ống động mạch	x	x		
675	Đặt stent động mạch chủ	x			

Điện quang

XIX. Y HỌC HẠT NHÂN

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
	A. CHẨN ĐOÁN				
1	SPECT não với ^{99m}Tc Pertechnetate	x	x		
2	SPECT não với ^{99m}Tc - ECD	x	x		
3	SPECT não với ^{99m}Tc - DTPA	x	x		
4	SPECT não với ^{99m}Tc - HMPAO	x	x		
5	SPECT não với ^{111}In - octreotide	x	x		
6	SPECT tuyến cận giáp với đồng vị phóng xạ kép	x	x		
7	SPECT tưới máu cơ tim gắng sức với ^{99m}Tc - MIBI	x	x		
8	SPECT tưới máu cơ tim gắng sức với Tl - 201	x	x		
9	SPECT tưới máu cơ tim gắng sức với ^{99m}Tc - Tetrofosmin	x	x		
10	SPECT tưới máu cơ tim gắng sức với ^{99m}Tc - Sestamibi	x	x		
11	SPECT tưới máu cơ tim gắng sức với ^{99m}Tc - Teboroxime (Cardiotec)	x	x		
12	SPECT tưới máu cơ tim gắng sức với ^{99m}TcN - NOEt	x	x		
13	SPECT tưới máu cơ tim gắng sức với ^{99m}Tc - Furifosmin	x	x		
14	SPECT tưới máu cơ tim gắng sức với ^{123}I - IPPA	x	x		
15	SPECT tưới máu cơ tim gắng sức với ^{123}I - BMIPP	x	x		
16	SPECT tưới máu cơ tim không gắng sức với ^{99m}Tc - MIBI	x	x		
17	SPECT tưới máu cơ tim không gắng sức với ^{99m}Tc - Tetrofosmin	x	x		
18	SPECT tưới máu cơ tim không gắng sức với ^{99m}Tc - Sestamibi	x	x		
19	SPECT tưới máu cơ tim không gắng sức với ^{99m}Tc - Teboroxime (Cardiotec)	x	x		
20	SPECT tưới máu cơ tim không gắng sức với ^{99m}TcN - NOEt	x	x		
21	SPECT tưới máu cơ tim không gắng sức với ^{99m}Tc - Furifosmin	x	x		
22	SPECT tưới máu cơ tim không gắng sức với ^{123}I - IPPA	x	x		
23	SPECT tưới máu cơ tim không gắng sức với ^{123}I - BMIPP	x	x		
24	SPECT tưới máu cơ tim không gắng sức với Tl - 201	x	x		
25	SPECT chức năng tim pha sớm	x	x		
26	SPECT chức năng tim pha sớm với ^{99m}Tc - Pertechnetate	x	x		
27	SPECT chức năng tim pha sớm với ^{99m}Tc - Sestamibi	x	x		
28	SPECT chức năng tim pha sớm với ^{99m}Tc - Tetrofosmin	x	x		
29	SPECT đánh giá chức năng tim bằng hồng cầu đánh dấu ^{99m}Tc	x	x		

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
30	SPECT đánh giá chức năng tim bằng hồng cầu đánh dấu ^{99m}Tc ; pha nghỉ	x	x		
31	SPECT đánh giá chức năng tim bằng hồng cầu đánh dấu ^{99m}Tc ; pha gắng sức	x	x		
32	SPECT nhồi máu cơ tim với ^{111}In - kháng thể kháng cơ tim	x	x		
33	SPECT nhồi máu cơ tim với ^{99m}Tc - Stannous pyrophosphate (PYP)	x	x		
34	SPECT gan	x	x		
35	SPECT thận	x	x		
36	SPECT tuyến thượng thận với ^{131}I - MIBG	x	x		
37	SPECT tuyến thượng thận với ^{123}I - MIBG	x	x		
38	SPECT tuyến thượng thận với ^{131}I - Cholesterol	x	x		
39	SPECT tuyến tiền liệt	x	x		
40	SPECT tuyến tiền liệt với ^{111}In - Capromab pendetid	x	x		
41	SPECT tuyến tiền liệt với ^{111}In - CYT-356	x	x		
42	SPECT xương, khớp	x	x		
43	SPECT chẩn đoán khối u	x	x		
44	SPECT chẩn đoán khối u với ^{99m}Tc - MIBI	x	x		
45	SPECT chẩn đoán khối u với ^{67}Ga	x	x		
46	SPECT chẩn đoán khối u với ^{201}Tl	x	x		
47	SPECT chẩn đoán khối u với ^{111}In - Pentetreotide	x	x		
48	SPECT chẩn đoán u phổi	x	x		
49	SPECT chẩn đoán u vú	x	x		
50	SPECT chẩn đoán u nguyên bào thần kinh với ^{131}I - MIBG	x	x		
51	SPECT chẩn đoán u nguyên bào thần kinh với ^{123}I - MIBG	x	x		
52	SPECT phóng xạ miễn dịch	x	x		
53	SPECT thụ thể Peptid phóng xạ	x	x		
54	SPECT thụ thể Peptid phóng xạ với ^{177}Lu -DOTATOC	x	x		
55	SPECT thụ thể Peptid phóng xạ với ^{111}In -DOTATOC	x	x		
56	SPECT thụ thể Peptid phóng xạ với ^{111}In -DTPA-octreotide	x	x		
57	SPECT thụ thể Peptid phóng xạ với ^{177}Lu -DOTATATE	x	x		
58	SPECT hạch Lympho	x	x		
59	SPECT bạch cầu đánh dấu ^{99m}Tc - HMPAO	x	x		

Y học hạt nhân

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
60	SPECT bạch cầu đánh dấu ^{111}In	x	x		
61	SPECT bạch cầu đánh dấu ^{67}Ga	x	x		
62	SPECT/CT	x	x		
63	SPECT/CT não với $^{99\text{m}}\text{Tc}$ Pertechetate	x	x		
64	SPECT/CT não với $^{99\text{m}}\text{Tc}$ - ECD	x	x		
65	SPECT/CT não với $^{99\text{m}}\text{Tc}$ - DTPA	x	x		
66	SPECT/CT não với $^{99\text{m}}\text{Tc}$ - HMPAO	x	x		
67	SPECT/CT tuyến cận giáp với đồng vị phóng xạ kép	x	x		
68	SPECT/CT tưới máu cơ tim gắng sức với $^{99\text{m}}\text{Tc}$ - MIBI	x	x		
69	SPECT/CT tưới máu cơ tim gắng sức với Tetrofosmin	x	x		
70	SPECT/CT tưới máu cơ tim không gắng sức với $^{99\text{m}}\text{Tc}$ - MIBI	x	x		
71	SPECT/CT tưới máu cơ tim không gắng sức với Tetrofosmin	x	x		
72	SPECT/CT tưới máu cơ tim gắng sức với Tl-201	x	x		
73	SPECT/CT tưới máu cơ tim không gắng sức với Tl-201	x	x		
74	SPECT/CT chức năng tim pha sớm	x	x		
75	SPECT/CT đánh giá chức năng tim bằng hồng cầu đánh dấu $^{99\text{m}}\text{Tc}$	x	x		
76	SPECT/CT nhồi máu cơ tim với ^{111}In - kháng thể kháng cơ tim	x	x		
77	SPECT/CT gan	x	x		
78	SPECT/CT thận	x	x		
79	SPECT/CT tuyến tiền liệt	x	x		
80	SPECT/CT tuyến thượng thận với ^{131}I - MIBG	x	x		
81	SPECT/CT tuyến thượng thận với ^{123}I - MIBG	x	x		
82	SPECT/CT tuyến thượng thận với ^{131}I - Cholesterol	x	x		
83	SPECT/CT xương, khớp	x	x		
84	SPECT/CT chẩn đoán khối u	x	x		
85	SPECT/CT T chẩn đoán khối u với $^{99\text{m}}\text{Tc}$ - MIBI	x	x		
86	SPECT/CT T chẩn đoán khối u với ^{67}Ga	x	x		
87	SPECT/CT chẩn đoán khối u với ^{201}Tl	x	x		
88	SPECT/CT chẩn đoán khối u với ^{111}In - Pentetreotide	x	x		
89	SPECT/CT chẩn đoán u phổi	x	x		
90	SPECT/CT chẩn đoán u vú	x	x		
91	SPECT/CT chẩn đoán u nguyên bào thần kinh với ^{131}I - MIBG	x	x		

Y học hạt nhân

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
92	SPECT/CT chẩn đoán u nguyên bào thần kinh với ^{123}I - MIBG	x	x		
93	SPECT/CT phóng xạ miễn dịch	x	x		
94	SPECT/CT thụ thể Peptid phóng xạ				
95	SPECT/CT thụ thể Peptid phóng xạ với ^{177}Lu -DOTATOC	x	x		
96	SPECT/CT thụ thể Peptid phóng xạ với ^{111}In -DOTATOC	x	x		
97	SPECT/CT thụ thể Peptid phóng xạ với ^{111}In -DTPA-octreotide	x	x		
98	SPECT/CT thụ thể Peptid phóng xạ với ^{177}Lu -DOTATATE	x	x		
99	SPECT/CT hạch Lympho	x	x		
100	SPECT/CT bạch cầu đánh dấu $^{99\text{m}}\text{Tc}$ - HMPAO	x	x		
101	SPECT/CT bạch cầu đánh dấu ^{111}In	x	x		
102	SPECT/CT bạch cầu đánh dấu ^{67}Ga	x	x		
103	SPECT/CT mô phỏng xạ trị 3D	x	x		
104	SPECT/CT mô phỏng xạ trị điều biến liều (IMRT)	x	x		
105	Xạ hình phóng xạ miễn dịch	x	x		
106	Xạ hình não với $^{99\text{m}}\text{Tc}$ Pertechnetate	x	x		
107	Xạ hình não với $^{99\text{m}}\text{Tc}$ - ECD	x	x		
108	Xạ hình não với $^{99\text{m}}\text{Tc}$ - DTPA	x	x		
109	Xạ hình não với $^{99\text{m}}\text{Tc}$ - HMPAO	x	x		
110	Xạ hình u màng não với $^{99\text{m}}\text{Tc}$ - chelate	x	x		
111	Xạ hình lưu thông dịch não tủy với $^{99\text{m}}\text{Tc}$ - DTPA	x	x		
112	Xạ hình lưu thông dịch não tủy với ^{111}In - DTPA	x	x		
113	Xạ hình lưu thông dịch não tủy với ^{131}I -RISA	x	x		
114	Độ tập trung ^{131}I tuyến giáp	x	x		
115	Xạ hình toàn thân với ^{131}I	x	x		
116	Xạ hình toàn thân sau nhận liều điều trị giảm đau di căn ung thư xương	x	x		
117	Xạ hình toàn thân sau nhận liều điều trị miễn dịch phóng xạ	x	x		
118	Xạ hình tuyến giáp với ^{131}I	x	x		
119	Xạ hình tuyến giáp với ^{123}I	x	x		
120	Xạ hình tuyến giáp sau phẫu thuật với ^{131}I	x	x		
121	Xạ hình tuyến giáp và đo độ tập trung tuyến giáp với ^{131}I	x	x		
122	Xạ hình tuyến giáp và đo độ tập trung tuyến giáp với $^{99\text{m}}\text{Tc}$ Pertechnetate	x	x		

Y học hạt nhân

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
123	Xạ hình tuyến cận giáp với ^{99m}Tc - V - DMSA	x	x		
124	Xạ hình tuyến cận giáp với ^{99m}Tc - MIBI	x	x		
125	Xạ hình tuyến cận giáp với đồng vị phóng xạ kép	x	x		
126	Xạ hình tuyến giáp với ^{99m}Tc Pertechnetate	x	x		
127	Xạ hình tuyến lệ với ^{99m}Tc Pertechnetate	x	x		
128	Xạ hình tuyến nước bọt với ^{99m}Tc Pertechnetate	x	x		
129	Xạ hình tưới máu cơ tim gắng sức với ^{99m}Tc - MIBI	x	x		
130	Xạ hình tưới máu cơ tim không gắng sức với ^{99m}Tc - MIBI	x	x		
131	Xạ hình tưới máu cơ tim không gắng sức với Tetrofosmin	x	x		
132	Xạ hình tưới máu cơ tim gắng sức với ^{201}Tl	x	x		
133	Xạ hình tưới máu cơ tim gắng sức với Tetrofosmin	x	x		
134	Xạ hình tưới máu cơ tim không gắng sức với ^{201}Tl	x	x		
135	Xạ hình tưới máu cơ tim gắng sức với Tetrofosmin	x	x		
136	Xạ hình chức năng tim với ^{99m}Tc đánh dấu	x	x		
137	Xạ hình chức năng tim pha sớm	x	x		
138	Xạ hình chức năng tâm thất với ^{99m}Tc - Pertechnetate	x	x		
139	Xạ hình nhồi máu cơ tim với ^{99m}Tc - Pyrophosphate	x	x		
140	Xạ hình hoại tử cơ tim với ^{99m}Tc - Pyrophosphate	x	x		
141	Xạ hình tuyến vú	x	x		
142	Xạ hình tưới máu phổi	x	x		
143	Xạ hình tưới máu phổi với ^{99m}Tc - macroaggregated	x	x		
144	Xạ hình thông khí phổi	x	x		
145	Xạ hình thông khí phổi với ^{133}Xe	x	x		
146	Xạ hình thông khí phổi với ^{99m}Tc -DTPA	x	x		
147	Xạ hình chẩn đoán chức năng thực quản và trào ngược dạ dày - thực quản với ^{99m}Tc - Sulfur Colloid	x	x		
148	Xạ hình chẩn đoán chức năng co bóp dạ dày với ^{99m}Tc - Sulfur Colloid	x	x		
149	Xạ hình chẩn đoán xuất huyết đường tiêu hóa với hồng cầu đánh dấu Tc-99m	x	x		
150	Xạ hình chẩn đoán túi thừa Meckel với ^{99m}Tc Pertechnetate	x	x		
151	Nghiệm pháp chẩn đoán HPylory với ^{14}C -Urea	x	x		

Y học hạt nhân

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
152	Xạ hình lách với Methionin - ^{99m}Tc	x	x		
153	Xạ hình lách với hồng cầu đánh dấu ^{51}Cr	x	x		
154	Xạ hình lách với ^{99m}Tc Sulfur Colloid	x	x		
155	Xạ hình gan với ^{99m}Tc Sulfur Colloid	x	x		
156	Xạ hình gan - mật với ^{99m}Tc - HIDA	x	x		
157	Xạ hình gan - mật với ^{131}I - Rose Bengan	x	x		
158	Xạ hình u máu trong gan với hồng cầu đánh dấu ^{99m}Tc	x	x		
159	Xạ hình chức năng gan - mật sau ghép gan với ^{99m}Tc - IDA	x	x		
160	Thận đồ đồng vị với ^{131}I - Hippuran	x	x		
161	Xạ hình chức năng thận với ^{131}I - Hippuran	x	x		
162	Xạ hình thận với ^{99m}Tc - DMSA	x	x		
163	Xạ hình chức năng thận với ^{99m}Tc - DTPA	x	x		
164	Xạ hình chức năng thận với ^{123}I gắn OIH	x	x		
165	Xạ hình chức năng thận với ^{131}I gắn OIH	x	x		
166	Xạ hình chức năng thận với ^{99m}Tc - MAG3	x	x		
167	Xạ hình chức năng thận - tiết niệu sau ghép thận bằng ^{99m}Tc - MAG3	x	x		
168	Xạ hình trào ngược bàng quang niệu quản với ^{99m}Tc Pertechnetate	x	x		
169	Xạ hình tuyến thượng thận với ^{131}I - MIBG	x	x		
170	Xạ hình tuyến thượng thận với ^{123}I - MIBG	x	x		
171	Xạ hình tuyến thượng thận với ^{131}I - Cholesterol	x	x		
172	Xạ hình tuyến tiền liệt	x	x		
173	Xạ hình tinh hoàn với ^{99m}Tc Pertechnetate	x	x		
174	Xạ hình xương với ^{99m}Tc - MDP	x	x		
175	Xạ hình xương 3 pha	x	x		
176	Xạ hình tủy xương với ^{99m}Tc - Sulfur Colloid hoặc BMHP	x	x		
177	Xạ hình chẩn đoán khối u với ^{99m}Tc - MIBI	x	x		
178	Xạ hình chẩn đoán khối u với ^{67}Ga	x	x		
179	Xạ hình chẩn đoán khối u với ^{201}Tl	x	x		
180	Xạ hình chẩn đoán khối u với ^{111}In - Pentetreotide	x	x		
181	Xạ hình chẩn đoán u nguyên bào thần kinh với ^{131}I - MIBG	x	x		
182	Xạ hình chẩn đoán u nguyên bào thần kinh với ^{123}I - MIBG	x	x		
183	Xạ hình tĩnh mạch với ^{99m}Tc - MAA	x	x		

Y học hạt nhân

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
184	Xạ hình tĩnh mạch với ^{99m}Tc - DTPA	x	x		
185	Xác định thể tích hồng cầu với hồng cầu đánh dấu ^{51}Cr	x	x		
186	Xác định đời sống hồng cầu và nơi phân hủy hồng cầu với hồng cầu đánh dấu ^{51}Cr	x	x		
187	Xạ hình bạch mạch với ^{99m}Tc - HMPAO hoặc ^{99m}Tc - Sulfur Colloid	x	x		
188	Xạ hình hạch Lympho	x	x		
189	Xạ hình bạch cầu đánh dấu ^{99m}Tc - HMPAO	x	X		
190	Xạ hình bạch cầu đánh dấu ^{111}In	x	X		
191	Xạ hình bạch cầu đánh dấu ^{67}Ga	x	X		
192	Đo mật độ xương bằng kỹ thuật DEXA	x	x		
193	Kỹ thuật phát hiện hạch gác bằng đầu dò Gamma	x	x		
194	PET	x	x		
195	PET chẩn đoán khối u	x	x		
196	PET chẩn đoán bệnh hệ thần kinh	x	x		
197	PET đo lượng chuyển hóa glucose bán cầu não với ^{11}C - acetate	x	x		
198	PET đo lượng chuyển hóa glucose bán cầu não với ^{11}C - 1- butanol	x	x		
199	PET nơi tiếp nhận dopamin bán cầu não với ^{11}C -N-methylspiperone	x	x		
200	PET đo lượng chuyển hóa glucose bán cầu não với ^{18}F FDG	x	x		
201	PET nơi tiếp nhận oestrogen với ^{18}F -16 α - fluoro-17-estradiol	x	x		
202	PET nơi tiếp nhận dopamin bán cầu não với 18F - spiperone	x	x		
203	PET tưới máu não với ^{15}O -H ₂ O	x	x		
204	PET đo lượng chuyển hóa và bài xuất oxy bán cầu não với ^{15}O -O ₂	x	x		
205	PET chuyển hóa yếm khí với ^{18}F -Misomidazole (MISO)	x	x		
206	PET chẩn đoán theo dõi xạ trị Glioma với ^{18}F -FDOPA	x	x		
207	PET chẩn đoán theo dõi bệnh tâm thần (trầm cảm) với 5-HT2A receptor	x	x		
208	PET chẩn đoán theo dõi bệnh tâm thần (trầm cảm) với SSRI	x	x		
209	PET chẩn đoán theo dõi bệnh tâm thần (trầm cảm) với dopamin D2 receptor	x	x		
210	PET chẩn đoán suy giảm trí nhớ (dementia)	x	x		
211	PET chẩn đoán bệnh Alzheimer với [^{11}C]]PIB	x	x		
212	PET chẩn đoán bệnh tim mạch	x	x		

Y học hạt nhân

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
213	PET chẩn đoán bệnh chuyển hóa cơ tim với ^{11}C - acetate	x	x		
214	PET chẩn đoán bệnh chuyển hóa cơ tim với ^{11}C - panmitate	x	x		
215	PET chẩn đoán bệnh chuyển hóa glucose cơ tim với ^{18}F FDG	x	x		
216	PET tưới máu cơ tim với ^{13}N - NH_3	x	x		
217	PET thể tích tưới máu cơ tim với ^{15}O -CO	x	x		
218	PET tưới máu cơ tim với ^{15}O - H_2ONH_3	x	x		
219	PET tưới máu cơ tim với ^{82}Rb - Rb_+	x	x		
220	PET chẩn đoán bệnh nhiễm trùng	x	x		
221	PET trong bệnh viêm nhiễm với ^{18}F FDG	x	x		
222	PET/CT	x	x		
223	PET/CT chẩn đoán khối u	x	x		
224	PET/CT chẩn đoán khối u với ^{18}F FDG	x	x		
225	PET/CT chẩn đoán khối u với ^{11}C -glucose	x	x		
226	PET/CT chẩn đoán khối u với ^{11}C -methionine	x	x		
227	PET/CT chẩn đoán khối u với ^{11}C -ACHC	x	x		
228	PET/CT chẩn đoán khối u với ^{11}C -tyrosine	x	x		
229	PET/CT chẩn đoán khối u với ^{11}C -thymidine	x	x		
230	PET/CT chẩn đoán khối u với ^{11}C -fluorodeoxyuridine	x	x		
231	PET/CT chẩn đoán khối u với ^{18}F -fluoromidonidazole	x	x		
232	PET/CT chẩn đoán khối u với ^{18}F - β -estradiol	x	x		
233	PET/CT chẩn đoán khối u với ^{15}O - H_2O	x	x		
234	PET/CT chẩn đoán khối u với ^{62}Cu -PTSM	x	x		
235	PET/CT chẩn đoán khối u với ^{18}F gắn kháng thể đơn dòng kháng khối u	x	x		
236	PET/CT chẩn đoán khối u với 5- ^{18}F -fluorouracil	x	x		
237	PET/CT chẩn đoán khối u với ^{11}C -daunoubicin	x	x		
238	PET/CT chẩn đoán bệnh hệ thần kinh	x	x		
239	PET/CT chẩn đoán bệnh hệ thần kinh với ^{18}F FDG	x	x		
240	PET/CT chẩn đoán bệnh sa sút trí tuệ với ^{18}F FDG	x	x		
241	PET/CT chẩn đoán bệnh Alzheimer với ^{18}F FDG	x	x		
242	PET/CT chẩn đoán bệnh động kinh với ^{18}F FDG	x	x		
243	PET/CT chẩn đoán bệnh Parkinson với ^{18}F FDG	x	x		

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
244	PET/CT đo lường chuyển hóa glucose bán cầu não với ^{11}C - acetate	x	x		
245	PET/CT đo lường chuyển hóa glucose bán cầu não với ^{11}C -1- butanol	x	x		
246	PET/CT nơi tiếp nhận dopamin bán cầu não với ^{11}C -N-methylspiperone	x	x		
247	PET/CT đo lường chuyển hóa glucose bán cầu não với ^{18}F FDG	x	x		
248	PET/CT nơi tiếp nhận oestrogen với ^{18}F -16 α - fluoro-17-estradiol	x	x		
249	PET/CT nơi tiếp nhận dopamin bán cầu não với ^{18}F - spiperone	x	x		
250	PET/CT tưới máu não với ^{15}O -H ₂ O	x	x		
251	PET/CT đo lường chuyển hóa và bài xuất oxy bán cầu não với ^{15}O -O ₂	x	x		
252	PET/CT chuyển hóa yếm khí với ^{18}F -Misomidazole (MISO)	x	x		
253	PET/CT chẩn đoán theo dõi xạ trị Glioma với ^{18}F -FDOPA	x	x		
254	PET/CT chẩn đoán theo dõi bệnh tâm thần (trầm cảm) với 5-HT2A receptor	x	x		
255	PET/CT chẩn đoán theo dõi bệnh tâm thần (trầm cảm) với SSRI	x	x		
256	PET/CT chẩn đoán theo dõi bệnh tâm thần (trầm cảm) với dopamin D2 receptor	x	x		
257	PET/CT chẩn đoán suy giảm trí nhớ (dementia)	x	x		
258	PET/CT chẩn đoán bệnh Alzheimer với [^{11}C]PIB	x	x		
259	PET/CT chẩn đoán bệnh tim mạch	x	x		
260	PET/CT chẩn đoán bệnh chuyển hóa cơ tim với ^{11}C - acetate	x	x		
261	PET/CT chẩn đoán bệnh chuyển hóa cơ tim với ^{11}C - panmitate	x	x		
262	PET/CT chẩn đoán bệnh chuyển hóa glucose cơ tim với ^{18}F FDG	x	x		
263	PET/CT tưới máu cơ tim với ^{13}N - NH ₃	x	x		
264	PET/CT thể tích tưới máu cơ tim với ^{15}O -CO	x	x		
265	PET/CT tưới máu cơ tim với ^{15}O -H ₂ ONH ₃	x	x		
266	PET/CT tưới máu cơ tim với ^{82}Rb - Rb ₊	x	x		
267	PET/CT chẩn đoán bệnh tim mạch với ^{18}F FDG	x	x		
268	PET/CT chẩn đoán bệnh thiếu máu cơ tim với ^{18}F FDG	x	x		
269	PET/CT đánh giá sự sống còn của cơ tim với ^{18}F FDG	x	x		
270	PET/CT chẩn đoán bệnh nhiễm trùng	x	x		
271	PET/CT trong bệnh viêm nhiễm với ^{18}F FDG	x	x		
272	PET/CT thụ thể Peptid phóng xạ	x	x		

Y học hạt nhân

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
273	PET/CT thụ thể Peptid phóng xạ với ^{68}Ga - DOTANOC	x	x		
274	PET/CT thụ thể Peptid phóng xạ với ^{68}Ga - DOTATATE	x	x		
275	PET/CT thụ thể Peptid phóng xạ với ^{86}Y - DOTANOC	x	x		
276	PET/CT thụ thể Peptid phóng xạ với ^{86}Y - DOTATATE	x	x		
277	PET/CT thụ thể Peptid phóng xạ với ^{86}Y - DOTA-Lanreotide	x	x		
278	PET/CT mô phỏng xạ trị	x	x		
279	PET/CT mô phỏng xạ trị 3D	x	x		
280	PET/CT mô phỏng xạ trị điều biến liều (IMRT)	x	x		
281	PET/MRI	x	x		
282	PET/MRI chẩn đoán khối u	x	x		
283	PET/MRI chẩn đoán bệnh hệ thần kinh	x	x		
284	PET/MRI đo lượng chuyển hóa glucose bán cầu não với ^{11}C - acetate	x	x		
285	PET/MRI đo lượng chuyển hóa glucose bán cầu não với ^{11}C - 1- butanol	x	x		
286	PET/MRI nơi tiếp nhận dopamin bán cầu não với ^{11}C -N-methylspiperone	x	x		
287	PET/MRI đo lượng chuyển hóa glucose bán cầu não với ^{18}F FDG	x	x		
288	PET/MRI nơi tiếp nhận oestrogen với ^{18}F -16 α - fluoro-17-estradiol	x	x		
289	PET/MRI nơi tiếp nhận dopamin bán cầu não với ^{18}F - spiperone	x	x		
290	PET/MRI tưới máu não với ^{15}O -H ₂ O	x	x		
291	PET/MRI đo lượng chuyển hóa và bài xuất oxy bán cầu não với ^{15}O -O ₂	x	x		
292	PET/MRI chuyển hóa yếm khí với ^{18}F -Misomidazole (MISO)	x	x		
293	PET/MRI chẩn đoán theo dõi xạ trị Glioma với ^{18}F -FDOPA	x	x		
294	PET/MRI chẩn đoán theo dõi bệnh tâm thần (trầm cảm) với 5-HT _{2A} receptor	x	x		
295	PET/MRI chẩn đoán theo dõi bệnh tâm thần (trầm cảm) với SSRI	x	x		
296	PET/MRI chẩn đoán theo dõi bệnh tâm thần (trầm cảm) với dopamin D ₂ receptor	x	x		
297	PET/MRI chẩn đoán suy giảm trí nhớ (dementia)	x	x		
298	PET/MRI chẩn đoán bệnh Alzheimer với [^{11}C]]PIB	x	x		
299	PET/MRI chẩn đoán bệnh tim mạch	x	x		
300	PET/MRI chẩn đoán bệnh chuyển hóa cơ tim với ^{11}C - acetate	x	x		
301	PET/MRI chẩn đoán bệnh chuyển hóa cơ tim với ^{11}C - panmitate	x	x		

Y học hạt nhân

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
302	PET/MRI chẩn đoán bệnh chuyển hóa glucose cơ tim với ^{18}F FDG	x	x		
303	PET/MRI tưới máu cơ tim với ^{13}N - NH_3	x	x		
304	PET/MRI thể tích tưới máu cơ tim với ^{15}O -CO	x	x		
305	PET/MRI tưới máu cơ tim với ^{15}O - H_2ONH_3	x	x		
306	PET/MRI tưới máu cơ tim với ^{82}Rb - Rb_+	x	x		
307	PET/MRI chẩn đoán bệnh nhiễm trùng	x	x		
308	PET/MRI trong bệnh viêm nhiễm với ^{18}F FDG	x	x		
309	Định lượng CA 19 - 9 bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ	x	x		
310	Định lượng CA 50 bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ	x	x		
311	Định lượng CA 125 bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ	x	x		
312	Định lượng CA 15 - 3 bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ	x	x		
313	Định lượng CA 72 - 4 bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ	x	x		
314	Định lượng GH bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ	x	x		
315	Định lượng kháng thể kháng Insulin bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ	x	x		
316	Định lượng Insulin bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ	x	x		
317	Định lượng Tg bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ	x	x		
318	Định lượng kháng thể kháng Tg (AntiTg) bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ	x	x		
319	Định lượng Micro Albumin niệu bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ	x	x		
320	Định lượng LH bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ	x	x		
321	Định lượng FSH bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ	x	x		
322	Định lượng HCG bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ	x	x		
323	Định lượng T_3 bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ	x	x		
324	Định lượng FT_3 bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ	x	x		
325	Định lượng T_4 bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ	x	x		
326	Định lượng FT_4 bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ	x	x		
327	Định lượng TSH bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ	x	x		
328	Định lượng TRAb bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ	x	x		
329	Định lượng Testosterone bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ	x	x		
330	Định lượng Prolactin bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ	x	x		
331	Định lượng Progesterone bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ	x	x		

Y học hạt nhân

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
332	Định lượng Estradiol bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ	x	x		
333	Định lượng Calcitonin bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ	x	x		
334	Định lượng CEA bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ	x	x		
335	Định lượng AFP bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ	x	x		
336	Định lượng PSA bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ	x	x		
337	Định lượng PTH bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ	x	x		
338	Định lượng ACTH bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ	x	x		
339	Định lượng Cortisol bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ	x	x		
	B. ĐIỀU TRỊ				
340	Điều trị ung thư tuyến giáp bằng ^{131}I	x	x		
341	Điều trị Basedow bằng ^{131}I	x	x		
342	Điều trị bướu tuyến giáp đơn thuần bằng ^{131}I	x	x		
343	Điều trị bướu nhân độc tuyến giáp bằng ^{131}I	x	x		
344	Điều trị tràn dịch màng phổi do ung thư bằng keo ^{90}Y	x	x		
345	Điều trị tràn dịch màng phổi do ung thư bằng keo phóng xạ	x	x		
346	Điều trị tràn dịch màng bụng do ung thư bằng keo ^{90}Y	x	x		
347	Điều trị tràn dịch màng bụng do ung thư bằng keo phóng xạ	x	x		
348	Điều trị ung thư gan bằng hạt vi cầu phóng xạ ^{90}Y	x	x		
349	Điều trị ung thư gan nguyên phát bằng ^{188}Re	x	x		
350	Điều trị ung thư gan bằng keo Silicon - ^{32}P	x	x		
351	Điều trị ung thư gan nguyên phát bằng ^{131}I - Lipiodol	x	x		
352	Điều trị ung thư gan bằng keo Ho-166	x	x		
353	Điều trị ung thư gan bằng hạt phóng xạ ^{125}I	x	x		
354	Điều trị ung thư gan bằng keo phóng xạ	x	x		
355	Điều trị ung thư vú bằng hạt phóng xạ ^{125}I	x	x		
356	Điều trị ung thư vòm mũi họng bằng hạt phóng xạ	x	x		
357	Điều trị ung thư tiền liệt tuyến bằng hạt phóng xạ ^{125}I	x	x		
358	Điều trị viêm bao hoạt dịch bằng keo phóng xạ	x	x		
359	Điều trị viêm bao hoạt dịch bằng keo ^{90}Y	x	x		
360	Điều trị sẹo lồi bằng tẩm áp ^{32}P	x	x		
361	Điều trị eczema bằng tẩm áp ^{32}P	x	x		

Y học hạt nhân

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
362	Điều trị u máu nông bằng tẩm áp ^{32}P	x	x		
363	Điều trị bệnh đa hồng cầu nguyên phát bằng ^{32}P	x	x		
364	Điều trị bệnh Leucose kinh bằng P-32	x	x		
365	Điều trị giảm đau do ung thư di căn xương bằng thuốc phóng xạ	x	x		
366	Điều trị giảm đau do ung thư di căn xương bằng ^{153}Sm	x	x		
367	Điều trị giảm đau do ung thư di căn xương bằng ^{117}Sn	x	x		
368	Điều trị giảm đau do ung thư di căn xương bằng ^{188}Re	x	x		
369	Điều trị giảm đau do ung thư di căn xương bằng ^{186}Re	x	x		
370	Điều trị giảm đau di căn ung thư xương bằng ^{89}Sr	x	x		
371	Điều trị giảm đau di căn ung thư xương bằng ^{85}Sr	x	x		
372	Điều trị giảm đau di căn ung thư xương bằng: ^{90}Y	x	x		
373	Điều trị giảm đau do ung thư di căn xương bằng ^{32}P	x	x		
374	Điều trị u nguyên bào thần kinh bằng I-131-MIBG	x	x		
375	Điều trị u tuyến thượng thận bằng I-131-MIBG	x	x		
376	Điều trị u nguyên bào thần kinh bằng I-123-MIBG	x	x		
377	Điều trị u tuyến thượng thận bằng I-123-MIBG	x	x		
378	Điều trị bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ	x	x		
379	Điều trị ung thư bằng kháng thể đơn dòng gắn phóng xạ	x	x		
380	Điều trị ung thư bằng kháng thể đơn dòng gắn phóng xạ với ^{131}I -Rituximab	x	x		
381	Điều trị ung thư bằng kháng thể đơn dòng gắn phóng xạ với ^{131}I -Nimotuzumab	x	x		
382	Điều trị bằng thụ thể Peptid phóng xạ ^{111}In -DTPA-octreotide	x	x		
383	Điều trị bằng thụ thể Peptid phóng xạ ^{111}In -DOTATOC	x	x		
384	Điều trị bằng thụ thể Peptid phóng xạ ^{90}Y -DOTATOC	x	x		
385	Điều trị bằng thụ thể Peptid phóng xạ ^{90}Y -DOTA-Lanreotide	x	x		
386	Điều trị bằng thụ thể Peptid phóng xạ ^{90}Y -DOTATATE	x	x		
387	Điều trị bằng thụ thể Peptid phóng xạ ^{177}Lu -DOTATATE	x	x		
388	Điều trị bằng thụ thể Peptid phóng xạ ^{177}Lu -DOTATOC	x	x		
389	Điều trị bằng thụ thể Peptid phóng xạ alpha 213-Bi-DOTATOC	x	x		
390	Điều trị bằng nano - thụ thể peptid phóng xạ ^{177}Lu -DOTATATE-PLGA-PEG NPs	x	x		

Y học hạt nhân

XX. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN, CAN THIỆP

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
	A. SỌ NÃO				
1	Mở thông não thất bể đáy nội soi	x			
2	Nội soi mở thông não thất	x			
	B. TAI - MŨI - HỌNG				
3	Nội soi hạ họng - thanh quản ống cứng chẩn đoán	x	x		
4	Nội soi hạ họng - thanh quản ống cứng sinh thiết	x	x		
5	Nội soi hạ họng - thanh quản ống mềm chẩn đoán	x	x		
6	Nội soi hạ họng - thanh quản ống mềm sinh thiết	x	x		
7	Nội soi cầm máu mũi	x	x	x	
8	Nội soi mũi hoặc vòm hoặc họng có sinh thiết	x	x	x	
9	Nội soi mũi hoặc vòm hoặc họng cắt đốt bằng điện cao tần	x	x		
10	Nội soi thanh quản ống mềm chẩn đoán	x	x	x	
11	Nội soi thanh quản ống mềm sinh thiết				
12	Nội soi thanh quản ống mềm cắt u lành tính				
13	Nội soi tai mũi họng	x	x	x	
14	Nội soi tai mũi họng huỳnh quang	x	x		
15	Nội soi thanh quản lấy dị vật	x	x		
	C. KHÍ - PHẾ QUẢN				
16	Nội soi khí - phế quản ống cứng sinh thiết xuyên vách	x			
17	Nội soi khí - phế quản ống mềm sinh thiết xuyên vách	x			
18	Nội soi khí - phế quản ống mềm cắt đốt u bằng điện đông cao tần	x			
19	Nội soi khí - phế quản ống cứng cắt đốt u bằng điện đông cao tần	x			
20	Nội soi khí - phế quản ống mềm đặt stent	x			
21	Nội soi khí - phế quản ống cứng đặt stent	x			
22	Nội soi khí - phế quản ống mềm sinh thiết	x			
23	Nội soi khí - phế quản ống mềm cắt lạnh u	x			
24	Nội soi khí - phế quản ống cứng cắt lạnh u	x			
25	Nội soi khí - phế quản ống mềm chẩn đoán	x	x		
26	Nội soi khí - phế quản ống cứng chẩn đoán	x	x		

Nội soi chẩn đoán, can thiệp

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
27	Nội soi siêu âm khí - phế quản ống mềm, sinh thiết xuyên thành phế quản	x	x		
28	Nội soi khí - phế quản ống mềm chải phế quản chẩn đoán	x	x		
29	Nội soi khí - phế quản ống mềm rửa phế quản phế nang chọn lọc	x	x		
30	Nội soi khí - phế quản ống cứng rửa phế nang toàn bộ phổi	x	x		
31	Nội soi khí - phế quản ống mềm lấy dị vật	x	x		
32	Nội soi khí - phế quản ống cứng lấy dị vật				
33	Nội soi khí - phế quản ống mềm qua ống nội khí quản	x	x		
34	Nội soi khí - phế quản ống mềm huỳnh quang	x	x		
35	Nội soi khí - phế quản ống mềm dải tần hẹp (NBI, Iscan, Fice,...)	x	x		
36	Nội soi khí - phế quản ống mềm hút đờm qua ống nội khí quản	x	x		
	D. LỒNG NGỰC - PHỔI				
37	Nội soi lồng ngực ống cứng chẩn đoán	x	x		
38	Nội soi lồng ngực ống nửa cứng, nửa mềm chẩn đoán	x	x		
39	Nội soi lồng ngực ống cứng sinh thiết	x	x		
40	Nội soi lồng ngực ống nửa cứng, nửa mềm sinh thiết	x	x		
41	Nội soi trung thất chẩn đoán	x			
42	Nội soi trung thất sinh thiết	x			
43	Nội soi lồng ngực ống nửa cứng, nửa mềm cắt đốt bằng điện đông cao tần	x			
	D. TIÊU HÓA - Ổ BỤNG				
44	Nong đường mật, Oddi qua nội soi	x			
45	Nội soi đường mật tán sỏi qua da	x			
46	Nong bằng bóng qua nội soi điều trị hẹp chỗ nối đại trực tràng sau mổ	x			
47	Nội soi điều trị loét ống tiêu hóa bằng Laser	x			
48	Mở thông dạ dày qua nội soi	x			
49	Nội soi ruột non bóng kép (Double Balloon Endoscopy)	x			
50	Nội soi ruột non bóng đơn (Single Balloon Endoscopy)	x			
51	Nội soi tiêu hóa bằng viên đạn (Capsule Endoscopy)	x			
52	Nội soi siêu âm đường tiêu hóa trên kết hợp với chọc hút tế bào	x			

Nội soi chẩn đoán, can thiệp

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
53	Nội soi đặt bộ Stent thực quản, dạ dày, tá tràng, đại tràng, trực tràng	x	x		
54	Nội soi mật tụy ngược dòng để chẩn đoán bệnh lý đường mật tụy	x	x		
55	Nội soi mật tụy ngược dòng để cắt cơ vòng Oddi dẫn lưu mật hoặc lấy sỏi đường mật tụy	x	x		
56	Nội soi mật tụy ngược dòng để đặt Stent đường mật tụy	x	x		
57	Nong hẹp thực quản, tâm vị qua nội soi	x	x		
58	Nội soi tiêu hóa với gây mê (dạ dày - đại tràng)	x	x		
59	Nội soi cầm máu bằng clip trong chảy máu đường tiêu hóa	x	x		
60	Nội soi cắt dưới niêm mạc điều trị ung thư sớm dạ dày	x			
61	Đặt catheter tenchkoff qua nội soi ổ bụng	x	x		
62	Sửa catheter tenchkoff qua nội soi ổ bụng	x	x		
63	Nội soi ổ bụng để thăm dò, chẩn đoán	x	x		
64	Nội soi hố thận để thăm dò, chẩn đoán	x	x		
65	Nội soi khung chậu để thăm dò, chẩn đoán	x	x		
66	Nội soi ổ bụng - sinh thiết	x	x		
67	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu chảy máu tiêu hóa cao để chẩn đoán và điều trị	x	x		
68	Nội soi thực quản - dạ dày, lấy dị vật	x	x		
69	Siêu âm nội soi dạ dày, thực quản	x	x		
70	Nội soi đại tràng - lấy dị vật	x	x		
71	Nội soi đại tràng tiêm cầm máu	x	x		
72	Nội soi trực tràng - hậu môn thắt trĩ	x	x		
73	Nội soi đại, trực tràng có thể sinh thiết	x	x		
74	Nội soi cắt polip ông tiêu hóa (thực quản, dạ dày, tá tràng, đại trực tràng)	x	x		
75	Nội soi hậu môn có sinh thiết, tiêm xơ	x	x		
76	Nội soi chích (tiêm) keo điều trị dẫn tĩnh mạch phình vị	x	x		
77	Nội soi băng tần hẹp (NBI)	x	x		
78	Nội soi siêu âm trực tràng	x	x		
79	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng kết hợp sinh thiết	x	x		
80	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng	x	x	x	

Nội soi chẩn đoán, can thiệp

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
81	Nội soi đại tràng sigma	x	x	x	
82	Soi trực tràng	x	x	x	
	E. TIẾT NIỆU				
83	Đặt ống thông niệu quản qua nội soi (sond JJ)	x			
84	Nội soi tán sỏi niệu quản (búa khí nén, siêu âm, laser)	x	x		
85	Lấy sỏi niệu quản qua nội soi	x	x		
86	Soi bàng quang	x	x		
87	Soi bàng quang, lấy dị vật, sỏi	x	x		
88	Nội soi bàng quang tìm xem đài dương chấp, đặt catheter lên thận bơm thuốc để tránh phẫu thuật	x	x		
89	Nội soi bàng quang, đưa catheter lên niệu quản bơm rửa niệu quản sau tán sỏi ngoài cơ thể khi sỏi tắc ở niệu quản	x	x		
90	Nội soi bàng quang, bơm rửa lấy máu cục tránh phẫu thuật	x	x		
91	Nội soi sinh thiết niệu đạo	x	x		
92	Nội soi bàng quang đặt UPR, đặt Catheter niệu quản	x	x		
93	Nội soi niệu quản chẩn đoán	x	x		
94	Nội soi niệu quản sinh thiết	x	x		
95	Nội soi bàng quang sinh thiết	x	x		
	G. KHỚP				
96	Nội soi khớp điều trị	x			
97	Nội soi khớp chẩn đoán	x	x		
	H. PHỤ SÁN				
98	Nội soi buồng tử cung chẩn đoán	x	x		
99	Nội soi ổ bụng lấy dụng cụ tránh thai	x	x		
100	Nội soi buồng tử cung lấy dị vật buồng tử cung	x	x		
101	Nội soi buồng tử cung, vòi trứng thông vòi trứng	x	x		
102	Nội soi buồng tử cung tách dính buồng tử cung	x	x		
103	Nội soi buồng tử cung can thiệp	x	x		
104	Nội soi chẩn đoán + tiêm MTX tại chỗ GEU	x	x		
105	Nội soi ổ bụng chẩn đoán các bệnh lý phụ khoa	x	x		
106	Soi buồng tử cung + nạo buồng tử cung	x	x		

Nội soi chẩn đoán, can thiệp

XXI. THĂM DÒ CHỨC NĂNG

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
	A. TIM, MẠCH				
1	Thăm dò điện sinh lý tim	x	x		
2	Thông tim chân đoán	x	x		
3	Đo vận tốc lan truyền sóng mạch	x			
4	Đo chỉ số ABI (chỉ số cổ chân/cánh tay)	x	x	x	x
5	Thăm dò huyết động bằng Swan Ganz	x			
6	Đo áp lực thẩm thấu máu	x	x		
7	Holter huyết áp	x	x		
8	Nghiệm pháp gắng sức điện tâm đồ	x	x		
9	Đo lưu huyết não	x	x		
10	Nghiệm pháp Von-Kaulla (thời gian tiêu thụ euglobulin)	x	x		
11	Nghiệm pháp rượu (Nghiệm pháp Ethanol)	x	x		
12	Holter điện tâm đồ	x	x		
13	Nghiệm pháp dây thắt	x	x	x	x
14	Điện tim thường	x	x	x	x
	B. HÔ HẤP				
15	Đo dung tích khí cặn	x			
16	Đo khuếch tán khí (DLCO)	x			
17	Đo tổng dung lượng phổi	x			
18	Test giãn phế quản (broncho modilator test)	x	x		
19	Đo hô hấp ký	x	x		
20	Đo kháng lực đường dẫn khí bằng phế thân ký	x	x		
21	Đo nồng độ khí CO trong đường thở	x	x		
22	Test dung tích sống gắng sức (FVC)	x	x	x	
23	Test dung tích sống thở chậm (SVC)	x	x	x	
24	Thông khí tự ý tối đa (MVV)	x	x	x	
25	Nghiệm pháp hô hấp gắng sức	x			

Thăm dò chức năng

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
26	Dao động xung ký	x			
27	Thăm dò rối loạn hô hấp lúc ngủ	x			
	C. THẦN KINH, TÂM THẦN				
28	Điện cơ trơn định lượng (QEMG)	x			
29	Ghi điện cơ	x	x		
30	Điện cơ vùng đáy chậu (EMG)	x			
31	Điện cơ sợi đơn cực (SFEMG)	x			
32	Đo tốc độ dẫn truyền thần kinh cảm giác	x	x		
33	Đo tốc độ dẫn truyền thần kinh vận động	x	x		
34	Đo điện thế kích thích cảm giác	x	x		
35	Đo điện thế kích thích giác quan	x	x		
36	Đo điện thế kích thích vận động	x	x		
37	Ghi điện não đồ vi tính	x	x		
38	Ghi điện não đồ đa kênh giấc ngủ	x			
39	Ghi điện não đồ video	x	x		
40	Ghi điện não đồ thông thường	x	x	x	
41	Đo ngưỡng đau	x			
42	Test thần kinh tự chủ	x			
	D. TIÊU HÓA, TIẾT NIỆU				
43	Đo PH thực quản 24 giờ	x			
44	Đo áp lực niệu đạo bằng máy	x			
45	Đo áp lực bàng quang bằng cột thước nước	x	x	x	
46	Đo áp lực bàng quang bằng máy	x	x		
47	Đo niệu dòng đồ	x			
48	Đo áp lực thẩm thấu niệu	x			
49	Thăm dò niệu động học bằng máy (Urodynamic)	x	x		
50	Đo áp lực ổ bụng bằng máy niệu động học (Urodynamic)	x			
51	Test hơi thở tìm vi khuẩn HP bằng C13, C14	x	x		

Thăm dò chức năng

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyển kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
	Đ. TAI MŨI HỌNG				
52	Ghi đáp ứng thính giác trạng thái ổn định (ASSR)	x			
53	Mapping điện cực ốc tai	x			
54	Phân tích âm giọng nói cơ bản	x			
55	Phân tích âm giọng nói phức tạp	x			
56	Thanh môn đồ (EGG)	x			
57	Điện cơ thanh quản	x			
58	Đo độ hiệu chỉnh máy trợ thính kỹ thuật số	x			
59	Thăm dò chức năng tiền đình (VNG)	x			
60	Đo thính lực đơn âm	x	x		
61	Đo thính lực lời	x	x		
62	Đo thính lực trên ngưỡng	x	x		
63	Đo thính lực ở trường tự do	x	x		
64	Đo nhĩ lượng	x	x		
65	Đo phản xạ cơ bàn đạp	x	x		
66	Đo âm ốc tai (OAE) chẩn đoán	x	x		
67	Ghi đáp ứng thính giác thân não (ABR)	x	x		
68	Đo sức cản của mũi	x	x		
69	Đo âm ốc tai (OAE) sàng lọc	x	x	x	
	E. MẮT				
70	Điện võng mạc	x			
71	Đo độ dày giác mạc	x	x		
72	Đếm tế bào nội mô giác mạc	x	x		
73	Đo bản đồ giác mạc	x	x		
74	Siêu âm A/B	x	x		
75	Đo biên độ điều tiết	x	x		
76	Đo độ lồi mắt bằng thước đo Hertel	x	x	x	
77	Test thử cảm giác giác mạc	x	x	x	
78	Test phát hiện khô mắt	x	x	x	

Thăm dò chức năng

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
79	Nghiệm pháp phát hiện glacom	x	x	x	
80	Đo thị trường trung tâm, tìm ám điểm	x	x	x	
81	Đo thị trường chu biên	x	x	x	
82	Đo sắc giác	x	x	x	
83	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử - Skiascope)	x	x	x	
84	Đo khúc xạ máy	x	x	x	
85	Đo khúc xạ giác mạc Javal	x	x	x	
86	Thử kính	x	x	x	
87	Đo độ lác	x	x	x	
88	Xác định sơ đồ song thị	x	x	x	
89	Đo độ sâu tiền phòng	x	x	x	
90	Đo đường kính giác mạc	x	x	x	
91	Đo công suất thể thủy tinh nhân tạo tự động bằng siêu âm	x	x	x	
92	Đo nhãn áp (Maclakov, Goldmann, Schiotz...)	x	x	x	x
93	Đo thị lực	x	x	x	x
94	Chụp cắt lớp võng mạc (Optical Coherence Tomography)	x			
	G. CƠ XƯƠNG KHỚP				
95	Thử nghiệm Methacholine (methacholine test)	x			
96	Đo áp lực hậu môn trực tràng	x	x		
97	Đo phản xạ đại tiện	x	x		
98	Test ngoại bì tìm dị nguyên trong bệnh Eczema tiếp xúc (chuyên Dị ứng - Miễn dịch)	x	x		
99	Test Prick với bệnh mề đay mẩn ngứa (chuyên Dị ứng - Miễn dịch)	x	x		
100	Đo áp lực bàn chân bằng máy	x	x		
101	Đo mật độ xương bằng máy siêu âm	x	x	x	
102	Đo mật độ xương bằng phương pháp DEXA	x	x	x	
103	Đo cảm giác rung bàn chân bằng máy	x	x	x	
104	Test prostigmin chẩn đoán nhược cơ	x	x	x	x
105	Nghiệm pháp Atropin	x	x	x	x

Thăm dò chức năng

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
	H. NỘI TIẾT				
106	Nghiệm pháp dung nạp Glucose đường uống 2 mẫu có định lượng Insulin kèm theo	x	x		
107	Nghiệm pháp dung nạp Glucose đường uống 5 mẫu có định lượng Insulin kèm theo	x	x		
108	Nghiệm pháp nhịn đói 72 giờ	x	x		
109	Nghiệm pháp kích thích Synacthen nhanh	x	x		
110	Nghiệm pháp kích thích Synacthen chậm	x	x		
111	Nghiệm pháp ức chế bằng Dexamethason liều thấp qua đêm	x	x		
112	Nghiệm pháp ức chế bằng Dexamethason liều thấp trong 2 ngày	x	x		
113	Nghiệm pháp ức chế bằng Dexamethason liều cao qua đêm	x	x		
114	Nghiệm pháp ức chế bằng Dexamethason liều cao trong 2 ngày	x	x		
115	Nghiệm pháp nhịn uống	x	x		
116	Đo chuyển hóa cơ bản	x	x		
117	Đo đường máu 24 giờ có định lượng Insulin	x	x		
118	Đo đường máu 24 giờ không định lượng Insulin	x	x	x	
119	Nghiệm pháp dung nạp Glucose đường uống (50g Glucose) 2 mẫu cho người bệnh thai nghén	x	x		
120	Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống (75g Glucose) 3 mẫu cho người bệnh thai nghén	x	x		
121	Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống (100g Glucose) 4 mẫu cho người bệnh thai nghén	x	x		
122	Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống 2 mẫu không định lượng Insulin	x	x	x	
123	Đo phân bố trọng lượng cơ thể lên chân người bệnh đái tháo đường	x	x		
124	Test dung nạp Tolbutamit	x	x		
125	Test dung nạp Glucagon	x	x		
126	Thử nghiệm ngấm Bromsulphthalein thăm dò chức năng gan	x	x		
127	Thử nghiệm dung nạp Carbonhydrate (glucoza, fructoza, galactoza, lactoza)	x	x		

Thăm dò chức năng

(Xem tiếp Công báo số 65 + 66)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 080.44946 – 080.44417

Fax: 080.44517

Email: congbao@chinhphu.vn

Website: <http://congbao.chinhphu.vn>

In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng